BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05/2014/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH BẮC GIANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Bắc Giang và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh;

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội;

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn";

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện";

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối";

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 sử dụng để thống kê địa danh;

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH BẮC GIANG

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Bắc Giang	
2	Huyện Hiệp Hòa	
3	Huyện Lạng Giang	
4	Huyện Lục Nam	
5	Huyện Lục Ngạn	
6	Huyện Sơn Động	
7	Huyện Tân Yên	
8	Huyện Việt Yên	
9	Huyện Yên Dũng	
10	Huyện Yên Thế	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Vĩnh Ninh 1	DC	P. Hoàng Văn Thụ	TP. Bắc Giang	21° 16' 46"	106° 12' 19"					F-48-69-A-d
tổ dân phố Vĩnh Ninh 2	DC	P. Hoàng Văn Thụ	TP. Bắc Giang							
sông Thương	TV	P. Lê Lợi	TP. Bắc Giang			21° 16' 12"	106° 11' 17"	21° 15' 58"	106° 11' 59"	F-48-69-A-d
đường tỉnh 295B	KX	P. Mỹ Độ	TP. Bắc Giang			21° 16' 36"	106° 11' 02"	21° 16' 36"	106° 10' 17"	F-48-69-A-d
sông Thương	TV	P. Mỹ Độ	TP. Bắc Giang			21° 16' 37"	106° 11' 01"	21° 16' 10"	106° 11' 17"	F-48-69-A-d
đường tỉnh 295B	KX	P. Ngô Quyền	TP. Bắc Giang			21° 17' 18"	106° 12' 13"	21° 16' 49"	106° 11' 30"	F-48-69-A-d
ga Bắc Giang	KX	P. Ngô Quyền	TP. Bắc Giang	21° 16' 48"	106° 11' 23"					F-48-69-A-d
tổ dân phố Cung Nhượng 1	DC	P. Thọ Xương	TP. Bắc Giang	21° 17' 12"	106° 11' 03"					F-48-69-A-d
tổ dân phố Hà Vị 1	DC	P. Thọ Xương	TP. Bắc Giang	21° 17' 26"	106° 11' 24"					F-48-69-A-d
tổ dân phố Hòa Yên	DC	P. Thọ Xương	TP. Bắc Giang	21° 17' 54"	106° 11' 50"					F-48-69-A-d
tổ dân phố Hướng	DC	P. Thọ Xương	TP. Bắc Giang	21° 17' 51"	106° 11' 19"					F-48-69-A-d
tổ dân phố Mới	DC	P. Thọ Xương	TP. Bắc Giang	21° 17' 44"	106° 11' 42"					F-48-69-A-d
sông Thương	TV	P. Thọ Xương	TP. Bắc Giang			21° 18' 43"	106° 11' 36"	21° 17' 03"	106° 10' 55"	F-48-69-A-d
đường tỉnh 295B	KX	P. Trần Phú	TP. Bắc Giang			21° 16' 49"	106° 11' 30"	21° 16' 36"	106° 11' 02"	F-48-69-A-d
sông Thương	TV	P. Trần Phú	TP. Bắc Giang			21° 17' 03"	106° 10' 55"	21° 16' 12"	106° 11' 17"	F-48-69-A-d
quốc lộ 31	KX	xã Dĩnh Kế	TP. Bắc Giang			21° 16' 41"	106° 12' 29"	21° 17' 14"	106° 13' 40"	F-48-69-A-d
thôn Chợ	DC	xã Dĩnh Kế	TP. Bắc Giang	21° 17' 14"	106° 12' 59"					F-48-69-A-d
thôn Chùa	DC	xã Dĩnh Kế	TP. Bắc Giang	21° 17' 00"	106° 13' 13"					F-48-69-A-d
thôn Hạc	DC	xã Dĩnh Kế	TP. Bắc Giang	21° 16' 42"	106° 12' 40"					F-48-69-A-d
thôn Mé	DC	xã Dĩnh Kế	TP. Bắc Giang	21° 16' 32"	106° 12' 40"					F-48-69-A-d
thôn Ngươi	DC	xã Dĩnh Kế	TP. Bắc Giang	21° 17' 01"	106° 12' 41"					F-48-69-A-d
thôn Nợm	DC	xã Dĩnh Kế	TP. Bắc Giang	21° 16' 46"	106° 12' 46"					F-48-69-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phố	DC	xã Dĩnh Kế	TP. Bắc Giang	21° 16' 59"	106° 12' 59"					F-48-69-A-d
thôn Sau	DC	xã Dĩnh Kế	TP. Bắc Giang	21° 17' 22"	106° 13' 20"					F-48-69-A-d
thôn Tiêu	DC	xã Dĩnh Kế	TP. Bắc Giang	21° 17' 12"	106° 13' 20"					F-48-69-A-d
quốc lộ 31	KX	xã Dĩnh Trì	TP. Bắc Giang			21° 17' 27"	106° 15' 09"	21° 17' 39"	106° 16' 37"	F-48-69-B-c
thôn Bãi Ổi	DC	xã Dĩnh Trì	TP. Bắc Giang	21° 17' 38"	106° 14' 49"					F-48-69-A-d
thôn Cầu	DC	xã Dĩnh Trì	TP. Bắc Giang	21° 16' 32"	106° 13' 33"					F-48-69-A-d
thôn Cốc	DC	xã Dĩnh Trì	TP. Bắc Giang	21° 17' 11"	106° 14' 16"					F-48-69-A-d
thôn Nguận	DC	xã Dĩnh Trì	TP. Bắc Giang	21° 17' 26"	106° 14' 36"					F-48-69-A-d
thôn Núi	DC	xã Dĩnh Trì	TP. Bắc Giang	21° 17' 23"	106° 14' 20"					F-48-69-A-d
thôn Núm	DC	xã Dĩnh Trì	TP. Bắc Giang	21° 17' 20"	106° 13' 59"					F-48-69-A-d
thôn Riễu	DC	xã Dĩnh Trì	TP. Bắc Giang	21° 17' 33"	106° 13' 42"					F-48-69-A-d
thôn Thành Trung	DC	xã Dĩnh Trì	TP. Bắc Giang	21° 16' 26"	106° 13' 19"					F-48-69-A-d
thôn Thuyền	DC	xã Dĩnh Trì	TP. Bắc Giang	21° 16' 45"	106° 13' 58"					F-48-69-A-d
đường tỉnh 398	KX	xã Đa Mai	TP. Bắc Giang			21° 17' 29"	106° 10' 24"	21° 16' 36"	106° 10' 58"	F-48-69-A-d
ngòi Đa Mai	TV	xã Đa Mai	TP. Bắc Giang			21° 17' 04"	106° 09' 09"	21° 16' 41"	106° 11' 00"	F-48-69-A-d
thôn Thanh Mai	DC	xã Đa Mai	TP. Bắc Giang	21° 17' 11"	106° 09' 58"					F-48-69-A-d
sông Thương	TV	xã Đa Mai	TP. Bắc Giang			21° 17' 03"	106° 10' 55"	21° 16' 37"	106° 11' 01"	F-48-69-A-d
thôn Chùa	DC	xã Đồng Sơn	TP. Bắc Giang	21° 15' 15"	106° 11' 59"					F-48-69-A-d
thôn Đồng Quan	DC	xã Đồng Sơn	TP. Bắc Giang	21° 15' 46"	106° 10' 56"					F-48-69-A-d
thôn Đồng Sau	DC	xã Đồng Sơn	TP. Bắc Giang	21° 15' 35"	106° 11' 40"					F-48-69-A-d
cụm Đồng Xung	DC	xã Đồng Sơn	TP. Bắc Giang	21° 13' 55"	106° 12' 38"					F-48-69-C-b
thôn Phấn Sơn	DC	xã Đồng Sơn	TP. Bắc Giang	21° 13' 43"	106° 12' 11"					F-48-69-C-b
thôn Sòi	DC	xã Đồng Sơn	TP. Bắc Giang	21° 15' 07"	106° 12' 05"					F-48-69-A-d
thôn Tân Mỹ	DC	xã Đồng Sơn	TP. Bắc Giang	21° 14' 35"	106° 12' 16"					F-48-69-C-b
sông Thương	TV	xã Đồng Sơn	TP. Bắc Giang			21° 16' 10"	106° 11' 17"	21° 14' 16"	106° 12' 39"	F-48-69-A-d F-48-69-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lịm Xuyên	DC	xã Song Khê	TP. Bắc Giang	21° 15' 18"	106° 10' 01"					F-48-69-A-d
thôn Song Khê	DC	xã Song Khê	TP. Bắc Giang	21° 15' 13"	106° 10' 29"					F-48-69-A-d
thôn Yên Khê	DC	xã Song Khê	TP. Bắc Giang	21° 15' 39"	106° 10' 49"					F-48-69-A-d
đường tỉnh 398	KX	xã Song Mai	TP. Bắc Giang			21° 18' 45"	106° 09' 33"	21° 17' 29"	106° 10' 24"	F-48-69-A-d
thôn An Phú	DC	xã Song Mai	TP. Bắc Giang	21° 17' 49"	106° 10' 30"					F-48-69-A-d
thôn Bùi	DC	xã Song Mai	TP. Bắc Giang	21° 18' 41"	106° 11' 16"					F-48-69-A-d
trại Đông	DC	xã Song Mai	TP. Bắc Giang	21° 18' 08"	106° 10' 09"					F-48-69-A-d
thôn Đồng	DC	xã Song Mai	TP. Bắc Giang	21° 18' 50"	106° 10' 54"					F-48-69-A-d
thôn Hà	DC	xã Song Mai	TP. Bắc Giang	21° 18' 10"	106° 11' 24"					F-48-69-A-d
thôn Mai Cao	DC	xã Song Mai	TP. Bắc Giang	21° 17' 37"	106° 10' 05"					F-48-69-A-d
thôn Muỗng	DC	xã Song Mai	TP. Bắc Giang	21° 18' 31"	106° 11' 03"					F-48-69-A-d
thôn Nhân Lễ	DC	xã Song Mai	TP. Bắc Giang	21° 18' 35"	106° 10' 39"					F-48-69-A-d
thôn Phú Giã	DC	xã Song Mai	TP. Bắc Giang	21° 17' 54"	106° 10' 56"					F-48-69-A-d
thôn Phúc Bé	DC	xã Song Mai	TP. Bắc Giang	21° 18' 09"	106° 10' 33"					F-48-69-A-d
thôn Phúc Hạ	DC	xã Song Mai	TP. Bắc Giang	21° 18' 31"	106° 09' 50"					F-48-69-A-d
thôn Phúc Thượng	DC	xã Song Mai	TP. Bắc Giang	21° 18' 41"	106° 09' 25"					F-48-69-A-d
thôn Phương Đậu	DC	xã Song Mai	TP. Bắc Giang	21° 18' 17"	106° 10' 59"					F-48-69-A-d
trại Tây	DC	xã Song Mai	TP. Bắc Giang	21° 17' 57"	106° 09' 49"					F-48-69-A-d
sông Thương	TV	xã Song Mai	TP. Bắc Giang			21° 19' 19"	106° 10' 50"	21° 17' 03"	106° 10' 55"	F-48-69-A-d
thôn Thượng Tự	DC	xã Song Mai	TP. Bắc Giang	21° 17' 22"	106° 10' 51"					F-48-69-A-d
thôn Vĩnh An	DC	xã Song Mai	TP. Bắc Giang	21° 18' 21"	106° 11' 29"					F-48-69-A-d
đường tỉnh 398	KX	xã Tân Mỹ	TP. Bắc Giang			21° 15' 37"	106° 09' 54"	21° 16' 35"	106° 09' 48"	F-48-69-A-d
đường tỉnh 295B	KX	xã Tân Mỹ	TP. Bắc Giang			21° 16' 36"	106° 10' 17"	21° 16' 29"	106° 08' 19"	F-48-69-A-d
thôn Đồng	DC	xã Tân Mỹ	TP. Bắc Giang	21° 16' 15"	106° 09' 05"					F-48-69-A-d
thôn Đông Lý	DC	xã Tân Mỹ	TP. Bắc Giang	21° 15' 49"	106° 10' 10"					F-48-69-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Giếng	DC	xã Tân Mỹ	TP. Bắc Giang	21° 16' 25"	106° 09' 14"					F-48-69-A-d
thôn Lò	DC	xã Tân Mỹ	TP. Bắc Giang	21° 16' 05"	106° 10' 13"					F-48-69-A-d
thôn Lực	DC	xã Tân Mỹ	TP. Bắc Giang	21° 15' 54"	106° 09' 32"					F-48-69-A-d
thôn Miễu	DC	xã Tân Mỹ	TP. Bắc Giang	21° 16' 24"	106° 08' 57"					F-48-69-A-d
thôn Mỹ Cầu	DC	xã Tân Mỹ	TP. Bắc Giang	21° 16' 16"	106° 10' 02"					F-48-69-A-d
thôn Phố	DC	xã Tân Mỹ	TP. Bắc Giang	21° 16' 29"	106° 08' 38"					F-48-69-A-d
thôn Tân Phượng	DC	xã Tân Mỹ	TP. Bắc Giang	21° 16' 49"	106° 09' 09"					F-48-69-A-d
thôn Tự	DC	xã Tân Mỹ	TP. Bắc Giang	21° 16' 21"	106° 09' 54"					F-48-69-A-d
thôn An Bình	DC	xã Tân Tiến	TP. Bắc Giang	21° 15' 48"	106° 12' 08"					F-48-69-A-d
thôn Đọ	DC	xã Tân Tiến	TP. Bắc Giang	21° 15' 37"	106° 13' 00"					F-48-69-A-d
thôn Phong	DC	xã Tân Tiến	TP. Bắc Giang	21° 15' 40"	106° 13' 12"					F-48-69-A-d
sông Thương	TV	xã Tân Tiến	TP. Bắc Giang			21° 15' 58"	106° 11' 59"	21° 14' 51"	106° 13' 57"	F-48-69-A-d F-48-69-C-b
thôn Trước	DC	xã Tân Tiến	TP. Bắc Giang	21° 15' 28"	106° 12' 30"					F-48-69-A-d
thôn Văn Giàng	DC	xã Tân Tiến	TP. Bắc Giang	21° 14' 22"	106° 12' 43"					F-48-69-C-b
thôn Văn Sơn	DC	xã Tân Tiến	TP. Bắc Giang	21° 15' 03"	106° 13' 24"					F-48-69-A-d
thôn Xuân	DC	xã Tân Tiến	TP. Bắc Giang	21° 15' 48"	106° 12' 48"					F-48-69-A-d
đường tỉnh 295B	KX	xã Xương Giang	TP. Bắc Giang			21° 18' 05"	106° 13' 18"	21° 17' 18"	106° 12' 13"	F-48-69-A-d
thôn Non	DC	xã Xương Giang	TP. Bắc Giang	21° 17' 43"	106° 12' 33"					F-48-69-A-d
khu 2	DC	TT. Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 21' 34"	105° 58' 29"					F-48-68-B-d
khu 4	DC	TT. Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 21' 09"	105° 59' 01"					F-48-68-B-d
quốc lộ 37	KX	TT. Thắng	H. Hiệp Hòa			21° 21' 43"	105° 58' 48"	21° 20' 58"	105° 59' 12"	F-48-68-B-d
đường tỉnh 288	KX	TT. Thắng	H. Hiệp Hòa			21° 21' 20"	105° 58' 28"	21° 21' 47"	105° 58' 20"	F-48-68-B-d
đường tỉnh 295	KX	TT. Thắng	H. Hiệp Hòa			21° 21' 35"	105° 59' 01"	21° 21' 18"	105° 58' 36"	F-48-68-B-d
đường tỉnh 296	KX	TT. Thắng	H. Hiệp Hòa			21° 21' 22"	105° 58' 37"	21° 21' 20"	105° 58' 28"	F-48-68-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 295	KX	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa			21° 19' 09"	105° 57' 59"	21° 16' 49"	105° 57' 10"	F-48-68-B-d
thôn Bắc Sơn	DC	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	21° 17' 07"	105° 58' 39"					F-48-68-B-d
thôn Cầu Trang	DC	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	21° 18' 33"	105° 57' 44"					F-48-68-B-d
thôn Đầm	DC	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	21° 17' 48"	105° 57' 52"					F-48-68-B-d
thôn Đông	DC	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	21° 18' 03"	105° 57' 34"					F-48-68-B-d
thôn Đồng Cũ	DC	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	21° 18' 16"	105° 57' 40"					F-48-68-B-d
thôn Đồng Giót	DC	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	21° 18' 02"	105° 57' 10"					F-48-68-B-d
thôn Đồng Sói	DC	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	21° 18' 24"	105° 57' 17"					F-48-68-B-d
xóm Đồng Tà	DC	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	21° 16' 55"	105° 57' 39"					F-48-68-B-d
thôn Mã Quần	DC	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	21° 18' 07"	105° 58' 04"					F-48-68-B-d
thôn Nội Thổ	DC	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	21° 17' 44"	105° 57' 11"					F-48-68-B-d
thôn Tân Lý	DC	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	21° 18' 13"	105° 58' 33"					F-48-68-B-d
thôn Trại Rô	DC	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	21° 17' 31"	105° 58' 20"					F-48-68-B-d
thôn Trong	DC	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	21° 18' 03"	105° 57' 53"					F-48-68-B-d
thôn Trung	DC	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	21° 17' 35"	105° 57' 40"					F-48-68-B-d
thôn Trước	DC	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	21° 17' 20"	105° 58' 05"					F-48-68-B-d
thôn Vụ Bản	DC	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	21° 17' 07"	105° 59' 02"					F-48-68-B-d
thôn Vụ Nông	DC	xã Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	21° 17' 43"	105° 58' 50"					F-48-68-B-d
đường tỉnh 295	KX	xã Châu Minh	H. Hiệp Hòa			21° 15' 31"	105° 57' 37"	21° 14' 14"	105° 58' 22"	F-48-68-B-d F-48-68-D-b
sông Cầu	TV	xã Châu Minh	H. Hiệp Hòa			21° 14' 03"	105° 58' 51"	21° 15' 51"	105° 59' 26"	F-48-68-D-b F-48-68-B-d
thôn Ngọ Khổng	DC	xã Châu Minh	H. Hiệp Hòa	21° 15' 38"	105° 58' 38"					F-48-68-B-d
thôn Ngọ Phúc	DC	xã Châu Minh	H. Hiệp Hòa	21° 16' 25"	105° 58' 06"					F-48-68-B-d
thôn Ngọ Xá	DC	xã Châu Minh	H. Hiệp Hòa	21° 15' 40"	105° 58' 05"					F-48-68-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ngọc Liễn	DC	xã Châu Minh	H. Hiệp Hòa	21° 14' 29"	105° 58' 16"					F-48-68-D-b
thôn Xuân Thành	DC	xã Châu Minh	H. Hiệp Hòa	21° 14' 33"	105° 59' 15"					F-48-68-D-b
đường tỉnh 296	KX	xã Đại Thành	H. Hiệp Hòa			21° 20' 09"	105° 55' 08"	21° 19' 47"	105° 54' 17"	F-48-68-B-d
thôn Bảo Mản	DC	xã Đại Thành	H. Hiệp Hòa	21° 20' 10"	105° 54' 54"					F-48-68-B-d
sông Cầu	TV	xã Đại Thành	H. Hiệp Hòa			21° 21' 08"	105° 54' 25"	21° 20' 38"	105° 53' 44"	F-48-68-B-d
thôn Đại Mão	DC	xã Đại Thành	H. Hiệp Hòa	21° 20' 38"	105° 54' 07"					F-48-68-B-d
thôn Đại Tân	DC	xã Đại Thành	H. Hiệp Hòa	21° 20' 50"	105° 54' 18"					F-48-68-B-d
thôn Hà Nội	DC	xã Đại Thành	H. Hiệp Hòa	21° 20' 20"	105° 54' 36"					F-48-68-B-d
cầu Hà Nội	KX	xã Đại Thành	H. Hiệp Hòa	21° 20' 02"	105° 54' 46"					F-48-68-B-d
đường tỉnh 295	KX	xã Danh Thắng	H. Hiệp Hòa			21° 20' 30"	105° 58' 21"	21° 18' 59"	105° 57' 53"	F-48-68-B-d
thôn Chi Long	DC	xã Danh Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 18' 21"	105° 58' 14"					F-48-68-B-d
thôn Đại Thắng	DC	xã Danh Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 20' 07"	105° 58' 53"					F-48-68-B-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Danh Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 19' 04"	105° 59' 09"					F-48-68-B-d
thôn Đồng Đá	DC	xã Danh Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 19' 40"	105° 59' 27"					F-48-68-B-d
thôn Đồng Tiến	DC	xã Danh Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 19' 50"	105° 58' 09"					F-48-68-B-d
thôn Minh Đường	DC	xã Danh Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 20' 27"	105° 58' 19"					F-48-68-B-d
thôn Nam Ninh	DC	xã Danh Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 18' 40"	105° 58' 21"					F-48-68-B-d
thôn Ninh Giang	DC	xã Danh Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 19' 22"	105° 58' 20"					F-48-68-B-d
thôn Phúc Hòa	DC	xã Danh Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 19' 26"	105° 59' 08"					F-48-68-B-d
thôn Phúc Ninh	DC	xã Danh Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 18' 37"	105° 58' 47"					F-48-68-B-d
thôn Phúc Thịnh	DC	xã Danh Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 19' 26"	105° 59' 35"					F-48-68-B-d
thôn Quang Trung	DC	xã Danh Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 19' 38"	105° 58' 36"					F-48-68-B-d
thôn Trung Phú	DC	xã Danh Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 19' 14"	105° 58' 25"					F-48-68-B-d
quốc lộ 37	KX	xã Đoan Bái	H. Hiệp Hòa			21° 19' 30"	106° 01' 09"	21° 19' 23"	106° 01' 19"	F-48-69-A-c
thôn An Hòa	DC	xã Đoan Bái	H. Hiệp Hòa	21° 18' 57"	106° 01' 12"					F-48-69-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Lập	DC	xã Đoan Bái	H. Hiệp Hòa	21° 19' 38"	106° 00' 13"					F-48-69-A-c
xóm Bãi Che	DC	xã Đoan Bái	H. Hiệp Hòa	21° 19' 21"	106° 01' 10"					F-48-69-A-c
thôn Cầu Nứa	DC	xã Đoan Bái	H. Hiệp Hòa	21° 19' 11"	106° 00' 17"					F-48-69-A-c
thôn Đông Nứa	DC	xã Đoan Bái	H. Hiệp Hòa	21° 18' 54"	106° 00' 34"					F-48-69-A-c
thôn Giữa Nứa	DC	xã Đoan Bái	H. Hiệp Hòa	21° 18' 01"	106° 00' 09"					F-48-69-A-c
thôn Khánh Vân	DC	xã Đoan Bái	H. Hiệp Hòa	21° 19' 28"	106° 00' 31"					F-48-69-A-c
thôn Phú Thuận	DC	xã Đoan Bái	H. Hiệp Hòa	21° 18' 18"	105° 58' 58"					F-48-68-B-d
thôn Sau Nứa	DC	xã Đoan Bái	H. Hiệp Hòa	21° 19' 14"	106° 00' 04"					F-48-69-A-c
thôn Tân Sơn	DC	xã Đoan Bái	H. Hiệp Hòa	21° 18' 13"	106° 01' 04"					F-48-69-A-c
xóm Trại Ngói	DC	xã Đoan Bái	H. Hiệp Hòa	21° 18' 29"	106° 01' 06"					F-48-69-A-c
xóm An Phong	DC	xã Đông Lỗ	H. Hiệp Hòa	21° 17' 58"	106° 01' 25"					F-48-69-A-c
thôn Ấp Hồng	DC	xã Đông Lỗ	H. Hiệp Hòa	21° 17' 05"	106° 01' 26"					F-48-69-A-c
sông Cầu	TV	xã Đông Lỗ	H. Hiệp Hòa			21° 15' 51"	105° 59' 26"	21° 15' 32"	106° 00' 07"	F-48-68-B-d F-48-69-A-c
thôn Chăm	DC	xã Đông Lỗ	H. Hiệp Hòa	21° 16' 55"	105° 59' 43"					F-48-68-B-d
thôn Chúng	DC	xã Đông Lỗ	H. Hiệp Hòa	21° 17' 14"	105° 59' 13"					F-48-68-B-d
xóm Cống Lữ	DC	xã Đông Lỗ	H. Hiệp Hòa	21° 16' 39"	106° 00' 08"					F-48-69-A-c
xóm Đồng Đanh	DC	xã Đông Lỗ	H. Hiệp Hòa	21° 16' 00"	105° 59' 41"					F-48-68-B-d
thôn Đồng Quan	DC	xã Đông Lỗ	H. Hiệp Hòa	21° 16' 28"	106° 01' 47"					F-48-69-A-c
thôn Hạnh	DC	xã Đông Lỗ	H. Hiệp Hòa	21° 17' 27"	105° 59' 23"					F-48-68-B-d
thôn Hưng Đạo	DC	xã Đông Lỗ	H. Hiệp Hòa	21° 17' 02"	106° 00' 19"					F-48-69-A-c
thôn Khoát	DC	xã Đông Lỗ	H. Hiệp Hòa	21° 17' 18"	105° 59' 37"					F-48-68-B-d
thôn Nghĩa Tiến	DC	xã Đông Lỗ	H. Hiệp Hòa	21° 17' 30"	106° 01' 33"					F-48-69-A-c
khu Phố Lữ	DC	xã Đông Lỗ	H. Hiệp Hòa	21° 17' 00"	106° 00' 13"					F-48-69-A-c
xóm Trại Cây	DC	xã Đông Lỗ	H. Hiệp Hòa	21° 17' 03"	106° 00' 50"					F-48-69-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vân Cẩm	DC	xã Đông Lỗ	H. Hiệp Hòa	21° 17' 26"	106° 00' 45"					F-48-69-A-c
sông Cầu	TV	xã Đồng Tân	H. Hiệp Hòa			21° 26' 14"	105° 57' 33"	21° 24' 28"	105° 57' 18"	F-48-68-B-b
thôn Đồng Vân	DC	xã Đồng Tân	H. Hiệp Hòa	21° 24' 52"	105° 57' 18"					F-48-68-B-b
thôn Giang Đông	DC	xã Đồng Tân	H. Hiệp Hòa	21° 25' 21"	105° 57' 33"					F-48-68-B-b
thôn Sơn Đông	DC	xã Đồng Tân	H. Hiệp Hòa	21° 25' 05"	105° 57' 57"					F-48-68-B-b
làng Tân Chung	DC	xã Đồng Tân	H. Hiệp Hòa	21° 25' 50"	105° 57' 40"					F-48-68-B-b
thôn Tiến Lập	DC	xã Đồng Tân	H. Hiệp Hòa	21° 25' 27"	105° 58' 01"					F-48-68-B-b
quốc lộ 37	KX	xã Đức Thắng	H. Hiệp Hòa			21° 22' 38"	105° 58' 31"	21° 21' 43"	105° 58' 48"	F-48-68-B-b F-48-68-B-d
đường tỉnh 288	KX	xã Đức Thắng	H. Hiệp Hòa			21° 21' 47"	105° 58' 20"	21° 22' 04"	105° 57' 23"	F-48-68-B-d
đường tỉnh 295	KX	xã Đức Thắng	H. Hiệp Hòa			21° 21' 18"	105° 58' 36"	21° 20' 30"	105° 58' 21"	F-48-68-B-d
đường tỉnh 296	KX	xã Đức Thắng	H. Hiệp Hòa			21° 21' 20"	105° 58' 28"	21° 20' 51"	105° 57' 11"	F-48-68-B-d
thôn An Thông	DC	xã Đức Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 21' 16"	105° 57' 47"					F-48-68-B-d
cầu Chả	KX	xã Đức Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 21' 58"	105° 57' 33"					F-48-68-B-d
thôn Dinh Hương	DC	xã Đức Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 20' 57"	105° 58' 41"					F-48-68-B-d
Lăng đá Dinh Hương	KX	xã Đức Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 20' 44"	105° 58' 34"					F-48-68-B-d
thôn Đông Ngàn	DC	xã Đức Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 20' 55"	105° 57' 48"					F-48-68-B-d
cầu Đức Thắng	KX	xã Đức Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 21' 10"	105° 58' 02"					F-48-68-B-d
thôn Đức Thịnh	DC	xã Đức Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 21' 35"	105° 58' 20"					F-48-68-B-d
thôn Phúc Thắng	DC	xã Đức Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 22' 11"	105° 57' 47"					F-48-68-B-d
thôn Quyết Thịnh	DC	xã Đức Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 22' 05"	105° 58' 18"					F-48-68-B-d
thôn Sa Long	DC	xã Đức Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 21' 11"	105° 57' 21"					F-48-68-B-d
thôn Trung Đồng	DC	xã Đức Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 21' 16"	105° 58' 11"					F-48-68-B-d
thôn Văn Tự	DC	xã Đức Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 20' 36"	105° 57' 25"					F-48-68-B-d
thôn Việt Hùng	DC	xã Đức Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 20' 31"	105° 58' 04"					F-48-68-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cầu	TV	xã Hòa Sơn	H. Hiệp Hòa			21° 22' 20"	105° 56' 04"	21° 22' 03"	105° 54' 14"	F-48-68-B-d
thôn Chùa	DC	xã Hòa Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 12"	105° 55' 46"					F-48-68-B-d
thôn Dậy	DC	xã Hòa Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 20"	105° 55' 26"					F-48-68-B-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Hòa Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 09"	105° 54' 24"					F-48-68-B-d
thôn Đồng Hòa	DC	xã Hòa Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 14"	105° 54' 57"					F-48-68-B-d
thôn Giếng	DC	xã Hòa Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 11"	105° 55' 28"					F-48-68-B-d
thôn Mít	DC	xã Hòa Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 01"	105° 54' 51"					F-48-68-B-d
thôn Quyết Tiến	DC	xã Hòa Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 28"	105° 54' 43"					F-48-68-B-d
thôn Tăng Sơn	DC	xã Hòa Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 21' 46"	105° 55' 31"					F-48-68-B-d
thôn Thi Đua	DC	xã Hòa Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 14"	105° 54' 30"					F-48-68-B-d
thôn Trung Hòa	DC	xã Hòa Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 21' 34"	105° 55' 05"					F-48-68-B-d
núi Y Sơn	SV	xã Hòa Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 21' 50"	105° 55' 16"					F-48-68-B-d
quốc lộ 37	KX	xã Hoàng An	H. Hiệp Hòa			21° 23' 53"	105° 58' 28"	21° 22' 27"	105° 58' 33"	F-48-68-B-b F-48-68-B-d
đường tỉnh 288	KX	xã Hoàng An	H. Hiệp Hòa			21° 23' 34"	105° 57' 34"	21° 23' 28"	105° 58' 18"	F-48-68-B-b
thôn An Cập	DC	xã Hoàng An	H. Hiệp Hòa	21° 23' 35"	105° 57' 50"					F-48-68-B-b
thôn Bảo An	DC	xã Hoàng An	H. Hiệp Hòa	21° 23' 17"	105° 58' 21"					F-48-68-B-b
xóm Gia Tư	DC	xã Hoàng An	H. Hiệp Hòa	21° 23' 01"	105° 58' 30"					F-48-68-B-b
xóm Giếng Đá	DC	xã Hoàng An	H. Hiệp Hòa	21° 22' 49"	105° 58' 12"					F-48-68-B-b
thôn Hoàng Liên	DC	xã Hoàng An	H. Hiệp Hòa	21° 23' 49"	105° 57' 43"					F-48-68-B-b
đồi Núi Ruối	SV	xã Hoàng An	H. Hiệp Hòa	21° 23' 25"	105° 59' 00"					F-48-68-B-b
xóm Tân Hưng	DC	xã Hoàng An	H. Hiệp Hòa	21° 22' 49"	105° 58' 43"					F-48-68-B-b
xóm Tiến Thịnh	DC	xã Hoàng An	H. Hiệp Hòa	21° 23' 22"	105° 58' 35"					F-48-68-B-b
Vườn Gắp	DC	xã Hoàng An	H. Hiệp Hòa	21° 23' 16"	105° 57' 58"					F-48-68-B-b
kênh 60	TV	xã Hoàng Lương	H. Hiệp Hòa			21° 24' 01"	106° 00' 03"	21° 24' 36"	105° 58' 56"	F-48-69-A-a F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Ninh	DC	xã Hoàng Lương	H. Hiệp Hòa	21° 23' 29"	105° 59' 31"					F-48-68-B-b
thôn Đại Thắng	DC	xã Hoàng Lương	H. Hiệp Hòa	21° 24' 38"	105° 59' 10"					F-48-68-B-b
thôn Định Ninh	DC	xã Hoàng Lương	H. Hiệp Hòa	21° 23' 28"	105° 59' 51"					F-48-68-B-b
thôn Đồng Hoàng	DC	xã Hoàng Lương	H. Hiệp Hòa	21° 23' 50"	105° 59' 20"					F-48-68-B-b
thôn Hoàng An	DC	xã Hoàng Lương	H. Hiệp Hòa	21° 23' 57"	105° 58' 53"					F-48-68-B-b
thôn Ninh Giang	DC	xã Hoàng Lương	H. Hiệp Hòa	21° 23' 39"	105° 59' 27"					F-48-68-B-b
thôn Tam Sơn	DC	xã Hoàng Lương	H. Hiệp Hòa	21° 23' 04"	105° 59' 19"					F-48-68-B-b
thôn Tân Định	DC	xã Hoàng Lương	H. Hiệp Hòa	21° 24' 20"	106° 00' 05"					F-48-69-A-a
thôn Thanh Lâm	DC	xã Hoàng Lương	H. Hiệp Hòa	21° 24' 23"	105° 59' 24"					F-48-68-B-b
thôn Thanh Lương	DC	xã Hoàng Lương	H. Hiệp Hòa	21° 24' 10"	105° 59' 02"					F-48-68-B-b
kênh 60	TV	xã Hoàng Thanh	H. Hiệp Hòa			21° 23' 52"	106° 00' 16"	21° 24' 04"	105° 59' 40"	F-48-69-A-a F-48-68-B-b
núi Dừa	SV	xã Hoàng Thanh	H. Hiệp Hòa	21° 23' 01"	106° 00' 44"					F-48-69-A-a
thôn Đồi Tường	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hiệp Hòa	21° 24' 11"	106° 00' 31"					F-48-69-A-a
thôn Đồng Nhĩ	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hiệp Hòa	21° 23' 39"	106° 00' 14"					F-48-69-A-a
thôn Đồng Thanh	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hiệp Hòa	21° 23' 01"	106° 01' 24"					F-48-69-A-a
thôn Làng Mới	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hiệp Hòa	21° 23' 48"	106° 00' 34"					F-48-69-A-a
thôn Minh Châu	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hiệp Hòa	21° 23' 07"	106° 00' 55"					F-48-69-A-a
thôn Ngọc Cốc	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hiệp Hòa	21° 23' 58"	105° 59' 47"					F-48-68-B-b
thôn Ngọc Lâm	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hiệp Hòa	21° 23' 30"	106° 00' 30"					F-48-69-A-a
thôn Ngọc Ninh	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hiệp Hòa	21° 23' 15"	106° 00' 09"					F-48-69-A-a
thôn Ngọc Vân	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hiệp Hòa	21° 23' 58"	106° 00' 11"					F-48-69-A-a
thôn Phú Hòa	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hiệp Hòa	21° 23' 02"	106° 00' 18"					F-48-69-A-a
thôn Tân Thành	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hiệp Hòa	21° 23' 12"	106° 00' 23"					F-48-69-A-a
thôn Trị Cụ	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hiệp Hòa	21° 24' 03"	106° 00' 28"					F-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Yên Sơn	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hiệp Hòa	21° 23' 31"	105° 59' 57"					F-48-68-B-b
đường tỉnh 288	KX	xã Hoàng Vân	H. Hiệp Hòa			21° 22' 31"	105° 56' 48"	21° 23' 34"	105° 57' 34"	F-48-68-B-b
sông Cầu	TV	xã Hoàng Vân	H. Hiệp Hòa			21° 24' 12"	105° 57' 26"	21° 22' 49"	105° 56' 30"	F-48-68-B-b
xóm Đá	DC	xã Hoàng Vân	H. Hiệp Hòa	21° 24' 11"	105° 56' 59"					F-48-68-B-b
xóm Đồng Hương	DC	xã Hoàng Vân	H. Hiệp Hòa	21° 22' 43"	105° 56' 49"					F-48-68-B-b
thôn Lạc Yên	DC	xã Hoàng Vân	H. Hiệp Hòa	21° 23' 22"	105° 57' 28"					F-48-68-B-b
thôn Liễu Ngạn	DC	xã Hoàng Vân	H. Hiệp Hòa	21° 22' 38"	105° 57' 10"					F-48-68-B-b
xóm Minh Tân	DC	xã Hoàng Vân	H. Hiệp Hòa	21° 22' 28"	105° 57' 46"					F-48-68-B-d
kênh Trôi	TV	xã Hoàng Vân	H. Hiệp Hòa			21° 22' 39"	105° 57' 34"	21° 22' 23"	105° 57' 19"	F-48-68-B-b F-48-68-B-d
xóm Trung	DC	xã Hoàng Vân	H. Hiệp Hòa	21° 23' 54"	105° 57' 03"					F-48-68-B-b
thôn Vạn Thạch	DC	xã Hoàng Vân	H. Hiệp Hòa	21° 23' 19"	105° 56' 43"					F-48-68-B-b
thôn Vân Xuyên	DC	xã Hoàng Vân	H. Hiệp Hòa	21° 23' 55"	105° 56' 38"					F-48-68-B-b
xóm Vườn Thẽo	DC	xã Hoàng Vân	H. Hiệp Hòa	21° 23' 15"	105° 57' 00"					F-48-68-B-b
đường tỉnh 296	KX	xã Hợp Thịnh	H. Hiệp Hòa			21° 20' 15"	105° 55' 32"	21° 19' 22"	105° 53' 50"	F-48-68-B-d
xóm Bình An	DC	xã Hợp Thịnh	H. Hiệp Hòa	21° 19' 27"	105° 54' 50"					F-48-68-B-d
sông Cầu	TV	xã Hợp Thịnh	H. Hiệp Hòa			21° 20' 38"	105° 53' 44"	21° 18' 24"	105° 54' 54"	F-48-68-B-d
thôn Đa Hội	DC	xã Hợp Thịnh	H. Hiệp Hòa	21° 20' 25"	105° 53' 05"					F-48-68-B-d
thôn Đồng Đạo	DC	xã Hợp Thịnh	H. Hiệp Hòa	21° 18' 18"	105° 54' 15"					F-48-68-B-d
thôn Gò Pháo	DC	xã Hợp Thịnh	H. Hiệp Hòa	21° 19' 38"	105° 54' 09"					F-48-68-B-d
thôn Hương Ninh	DC	xã Hợp Thịnh	H. Hiệp Hòa	21° 19' 53"	105° 53' 41"					F-48-68-B-d
thôn Ninh Tào	DC	xã Hợp Thịnh	H. Hiệp Hòa	21° 18' 48"	105° 54' 00"					F-48-68-B-d
xóm Thanh Bình	DC	xã Hợp Thịnh	H. Hiệp Hòa	21° 19' 27"	105° 55' 04"					F-48-68-B-d
xóm Thanh Phong	DC	xã Hợp Thịnh	H. Hiệp Hòa	21° 19' 44"	105° 55' 08"					F-48-68-B-d
thôn Trung Tâm	DC	xã Hợp Thịnh	H. Hiệp Hòa	21° 19' 54"	105° 55' 06"					F-48-68-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 296	KX	xã Hùng Sơn	H. Hiệp Hòa			21° 20' 32"	105° 56' 21"	21° 20' 13"	105° 55' 24"	F-48-68-B-d
thôn Hòa Tiến	DC	xã Hùng Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 21' 18"	105° 56' 02"					F-48-68-B-d
kênh Kè	TV	xã Hùng Sơn	H. Hiệp Hòa			21° 21' 38"	105° 56' 26"	21° 21' 00"	105° 56' 41"	F-48-68-B-d
thôn Tân Sơn	DC	xã Hùng Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 21' 18"	105° 56' 29"					F-48-68-B-d
thôn Trung Thành	DC	xã Hùng Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 20' 42"	105° 55' 59"					F-48-68-B-d
đường tỉnh 295	KX	xã Hương Lâm	H. Hiệp Hòa			21° 16' 49"	105° 57' 10"	21° 15' 31"	105° 57' 37"	F-48-68-B-d
sông Cầu	TV	xã Hương Lâm	H. Hiệp Hòa			21° 15' 46"	105° 55' 38"	21° 15' 17"	105° 55' 55"	F-48-68-B-d
thôn Đồng Công	DC	xã Hương Lâm	H. Hiệp Hòa	21° 15' 49"	105° 55' 56"					F-48-68-B-d
thôn Đông Lâm	DC	xã Hương Lâm	H. Hiệp Hòa	21° 16' 13"	105° 57' 12"					F-48-68-B-d
thôn Hạc Lâm	DC	xã Hương Lâm	H. Hiệp Hòa	21° 16' 11"	105° 56' 46"					F-48-68-B-d
thôn Hương Câu	DC	xã Hương Lâm	H. Hiệp Hòa	21° 17' 28"	105° 56' 20"					F-48-68-B-d
thôn Nga Trại	DC	xã Hương Lâm	H. Hiệp Hòa	21° 15' 07"	105° 57' 35"					F-48-68-B-d
thôn Nội Hương	DC	xã Hương Lâm	H. Hiệp Hòa	21° 16' 21"	105° 56' 10"					F-48-68-B-d
thôn Phúc Linh	DC	xã Hương Lâm	H. Hiệp Hòa	21° 15' 27"	105° 56' 56"					F-48-68-B-d
thôn Tiên Sơn	DC	xã Hương Lâm	H. Hiệp Hòa	21° 15' 34"	105° 55' 57"					F-48-68-B-d
kênh 3	TV	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa			21° 20' 01"	106° 01' 41"	21° 20' 49"	106° 00' 12"	F-48-69-A-c
quốc lộ 37	KX	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa			21° 20' 58"	105° 59' 12"	21° 19' 30"	106° 01' 09"	F-48-68-B-d F-48-69-A-c
thôn Cấm	DC	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa	21° 20' 44"	106° 00' 10"					F-48-69-A-c
ngòi Cầu Xưa	TV	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa			21° 20' 53"	106° 00' 46"	21° 20' 42"	106° 01' 38"	F-48-69-A-c
thôn Chớp	DC	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa	21° 21' 08"	105° 59' 46"					F-48-68-B-d
cầu Chớp	KX	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa	21° 20' 53"	105° 59' 18"					F-48-68-B-d
thôn Chùa	DC	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa	21° 20' 19"	106° 00' 19"					F-48-69-A-c
xóm Đầu	DC	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa	21° 21' 06"	106° 01' 20"					F-48-69-A-c
thôn Đông	DC	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa	21° 20' 20"	106° 00' 53"					F-48-69-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng Công	DC	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa	21° 21' 30"	106° 01' 16"					F-48-69-A-c
xóm Đồng Mạc	DC	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa	21° 21' 36"	106° 00' 59"					F-48-69-A-c
xóm Gia	DC	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa	21° 20' 57"	106° 01' 06"					F-48-69-A-c
thôn Giữa	DC	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa	21° 20' 24"	106° 00' 09"					F-48-69-A-c
xóm Hậu	DC	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa	21° 20' 56"	106° 01' 23"					F-48-69-A-c
thôn Khánh	DC	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa	21° 19' 45"	106° 01' 13"					F-48-69-A-c
xóm Thượng	DC	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa	21° 21' 19"	106° 01' 08"					F-48-69-A-c
thôn Tứ	DC	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa	21° 20' 11"	106° 01' 05"					F-48-69-A-c
thôn Vân An	DC	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa	21° 20' 18"	106° 01' 33"					F-48-69-A-c
ngòi Yên Hạ	TV	xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa			21° 21' 39"	106° 01' 13"	21° 20' 42"	106° 01' 48"	F-48-69-A-c
đường tỉnh 295	KX	xã Mai Đình	H. Hiệp Hòa			21° 14' 16"	105° 58' 21"	21° 13' 29"	105° 58' 11"	F-48-68-D-b
sông Cầu	TV	xã Mai Đình	H. Hiệp Hòa			21° 15' 17"	105° 55' 55"	21° 14' 03"	105° 58' 51"	F-48-68-B-d F-48-68-D-b
thôn Châu Lỗ	DC	xã Mai Đình	H. Hiệp Hòa	21° 15' 08"	105° 56' 18"					F-48-68-B-d
thôn Đông Trước	DC	xã Mai Đình	H. Hiệp Hòa	21° 14' 47"	105° 57' 00"					F-48-68-D-b
thôn Giáp Ngũ	DC	xã Mai Đình	H. Hiệp Hòa	21° 14' 52"	105° 56' 24"					F-48-68-D-b
thôn Mai Hạ	DC	xã Mai Đình	H. Hiệp Hòa	21° 13' 38"	105° 58' 17"					F-48-68-D-b
thôn Mai Thượng	DC	xã Mai Đình	H. Hiệp Hòa	21° 14' 16"	105° 56' 28"					F-48-68-D-b
thôn Mai Trung	DC	xã Mai Đình	H. Hiệp Hòa	21° 14' 19"	105° 56' 43"					F-48-68-D-b
thôn San	DC	xã Mai Đình	H. Hiệp Hòa	21° 14' 37"	105° 56' 36"					F-48-68-D-b
thôn Thắng Lợi	DC	xã Mai Đình	H. Hiệp Hòa	21° 14' 26"	105° 56' 39"					F-48-68-D-b
thôn Vọng Giang	DC	xã Mai Đình	H. Hiệp Hòa	21° 13' 49"	105° 57' 20"					F-48-68-D-b
đường tỉnh 296	KX	xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa			21° 20' 21"	105° 55' 53"	21° 20' 15"	105° 55' 32"	F-48-68-B-d
thôn Cẩm Trang	DC	xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa	21° 18' 30"	105° 56' 56"					F-48-68-B-d
sông Cầu	TV	xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa			21° 18' 24"	105° 54' 54"	21° 17' 45"	105° 55' 30"	F-48-68-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Gia Cao	DC	xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa	21° 18' 56"	105° 56' 40"					F-48-68-B-d
kênh Kè	TV	xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa			21° 19' 40"	105° 56' 21"	21° 18' 46"	105° 56' 20"	F-48-68-B-d
thôn Mai Phong	DC	xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa	21° 18' 40"	105° 55' 33"					F-48-68-B-d
xóm Năng Họ	DC	xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa	21° 18' 20"	105° 55' 08"					F-48-68-B-d
xóm Ninh Gia	DC	xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa	21° 19' 33"	105° 55' 49"					F-48-68-B-d
xóm Nội Dinh	DC	xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa	21° 18' 53"	105° 57' 13"					F-48-68-B-d
thôn Nội Quan	DC	xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa	21° 19' 25"	105° 56' 28"					F-48-68-B-d
xóm Tân Dinh	DC	xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa	21° 20' 14"	105° 55' 45"					F-48-68-B-d
xóm Tân Tiến	DC	xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa	21° 19' 29"	105° 56' 04"					F-48-68-B-d
xóm Thanh Giám	DC	xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa	21° 19' 08"	105° 55' 44"					F-48-68-B-d
xóm Trại	DC	xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa	21° 18' 51"	105° 55' 43"					F-48-68-B-d
thôn Trung Hòa	DC	xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa	21° 19' 17"	105° 55' 21"					F-48-68-B-d
thôn Trung Hưng	DC	xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa	21° 18' 44"	105° 55' 07"					F-48-68-B-d
thôn Xuân Giang	DC	xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa	21° 17' 55"	105° 55' 02"					F-48-68-B-d
quốc lộ 37	KX	xã Ngọc Sơn	H. Hiệp Hòa			21° 22' 03"	105° 58' 42"	21° 21' 41"	105° 58' 49"	F-48-68-B-d
đường tỉnh 295	KX	xã Ngọc Sơn	H. Hiệp Hòa			21° 22' 22"	106° 00' 17"	21° 21' 35"	105° 59' 01"	F-48-69-A-c F-48-68-B-d
xóm An Thành	DC	xã Ngọc Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 20"	105° 59' 44"					F-48-68-B-d
trại Cờ	DC	xã Ngọc Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 09"	105° 58' 50"					F-48-68-B-d
xóm Đông Thành	DC	xã Ngọc Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 32"	106° 00' 01"					F-48-69-A-a
thôn Đức Nghiêm	DC	xã Ngọc Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 07"	105° 59' 15"					F-48-68-B-d
xóm Hồng Thanh	DC	xã Ngọc Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 38"	105° 59' 39"					F-48-68-B-b
xóm Nam Sơn	DC	xã Ngọc Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 21' 47"	106° 00' 30"					F-48-69-A-c
thôn Ngọc Tân	DC	xã Ngọc Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 24"	105° 59' 00"					F-48-68-B-d
thôn Quyền	DC	xã Ngọc Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 21' 22"	106° 00' 13"					F-48-69-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sơn Giao	DC	xã Ngọc Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 21' 40"	105° 59' 43"					F-48-68-B-d
xóm Tân Thành	DC	xã Ngọc Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 21' 55"	105° 59' 28"					F-48-68-B-d
xóm Thành Sơn	DC	xã Ngọc Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 56"	105° 59' 44"					F-48-68-B-b
xóm Thuận Thành	DC	xã Ngọc Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 44"	105° 59' 30"					F-48-68-B-b
xóm Tiến Thịnh	DC	xã Ngọc Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 21' 23"	106° 00' 44"					F-48-69-A-c
xóm Trại Mễ	DC	xã Ngọc Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 23' 07"	105° 59' 13"					F-48-68-B-b
sông Cầu	TV	xã Quang Minh	H. Hiệp Hòa			21° 22' 03"	105° 54' 14"	21° 21' 08"	105° 54' 25"	F-48-68-B-d
thôn Hương Thịnh	DC	xã Quang Minh	H. Hiệp Hòa	21° 21' 39"	105° 54' 13"					F-48-68-B-d
thôn Hữu Định	DC	xã Quang Minh	H. Hiệp Hòa	21° 20' 46"	105° 54' 41"					F-48-68-B-d
thôn Phú Cốc	DC	xã Quang Minh	H. Hiệp Hòa	21° 21' 13"	105° 53' 51"					F-48-68-B-d
xóm Phú Thịnh	DC	xã Quang Minh	H. Hiệp Hòa	21° 20' 27"	105° 55' 05"					F-48-68-B-d
xóm Tân Hương	DC	xã Quang Minh	H. Hiệp Hòa	21° 21' 07"	105° 55' 22"					F-48-68-B-d
xóm Tân Lập	DC	xã Quang Minh	H. Hiệp Hòa	21° 21' 12"	105° 55' 03"					F-48-68-B-d
xóm Việt Cường	DC	xã Quang Minh	H. Hiệp Hòa	21° 20' 57"	105° 54' 44"					F-48-68-B-d
đường tỉnh 288	KX	xã Thái Sơn	H. Hiệp Hòa			21° 22' 04"	105° 57' 23"	21° 22' 31"	105° 56' 48"	F-48-68-B-d F-48-68-B-b
sông Cầu	TV	xã Thái Sơn	H. Hiệp Hòa			21° 22' 49"	105° 56' 30"	21° 22' 20"	105° 56' 04"	F-48-68-B-b F-48-68-B-d
thôn Đồng Tân	DC	xã Thái Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 12"	105° 56' 15"					F-48-68-B-d
thôn Giang Tân	DC	xã Thái Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 27"	105° 56' 29"					F-48-68-B-d
kênh Kè	TV	xã Thái Sơn	H. Hiệp Hòa			21° 22' 23"	105° 57' 19"	21° 21' 31"	105° 56' 26"	F-48-68-B-d
thôn Quế Sơn	DC	xã Thái Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 10"	105° 56' 34"					F-48-68-B-d
thôn Thái Thọ	DC	xã Thái Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 04"	105° 56' 14"					F-48-68-B-d
thôn Trung Sơn	DC	xã Thái Sơn	H. Hiệp Hòa	21° 22' 16"	105° 56' 52"					F-48-68-B-d
quốc lộ 37	KX	xã Thanh Vân	H. Hiệp Hòa			21° 24' 49"	105° 58' 55"	21° 23' 53"	105° 58' 28"	F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cầu	TV	xã Thanh Vân	H. Hiệp Hòa			21° 24' 28"	105° 57' 18"	21° 24' 12"	105° 57' 26"	F-48-68-B-b
xóm Chùa Chòn	DC	xã Thanh Vân	H. Hiệp Hòa	21° 24' 00"	105° 58' 29"					F-48-68-B-b
xóm Điểm	DC	xã Thanh Vân	H. Hiệp Hòa	21° 24' 19"	105° 57' 55"					F-48-68-B-b
xóm Đồng	DC	xã Thanh Vân	H. Hiệp Hòa	21° 24' 18"	105° 58' 09"					F-48-68-B-b
thôn Hoàng Lại	DC	xã Thanh Vân	H. Hiệp Hòa	21° 24' 44"	105° 58' 15"					F-48-68-B-b
xóm Lay	DC	xã Thanh Vân	H. Hiệp Hòa	21° 24' 09"	105° 57' 46"					F-48-68-B-b
xóm Ông Nhuận	DC	xã Thanh Vân	H. Hiệp Hòa	21° 24' 33"	105° 58' 33"					F-48-68-B-b
xóm Phác	DC	xã Thanh Vân	H. Hiệp Hòa	21° 24' 11"	105° 58' 00"					F-48-68-B-b
thôn Tam Hợp	DC	xã Thanh Vân	H. Hiệp Hòa	21° 24' 46"	105° 58' 40"					F-48-68-B-b
xóm Thái Bình	DC	xã Thanh Vân	H. Hiệp Hòa	21° 23' 57"	105° 57' 49"					F-48-68-B-b
xóm Vòng	DC	xã Thanh Vân	H. Hiệp Hòa	21° 24' 24"	105° 57' 26"					F-48-68-B-b
đường tỉnh 295	KX	xã Thường Thắng	H. Hiệp Hòa			21° 19' 46"	105° 58' 10"	21° 19' 09"	105° 57' 59"	F-48-68-B-d
đường tỉnh 296	KX	xã Thường Thắng	H. Hiệp Hòa			21° 20' 51"	105° 57' 11"	21° 20' 31"	105° 56' 18"	F-48-68-B-d
thôn Dinh Đồng	DC	xã Thường Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 19' 28"	105° 56' 56"					F-48-68-B-d
thôn Đồng Tâm	DC	xã Thường Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 19' 32"	105° 57' 59"					F-48-68-B-d
thôn Đường Sơn	DC	xã Thường Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 20' 24"	105° 56' 26"					F-48-68-B-d
kênh H1	TV	xã Thường Thắng	H. Hiệp Hòa			21° 21' 00"	105° 56' 41"	21° 19' 27"	105° 56' 32"	F-48-68-B-d
thôn Hiệp Đồng	DC	xã Thường Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 19' 54"	105° 57' 01"					F-48-68-B-d
thôn Hồng Phong	DC	xã Thường Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 20' 37"	105° 57' 05"					F-48-68-B-d
thôn Khúc Bánh	DC	xã Thường Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 19' 46"	105° 57' 23"					F-48-68-B-d
thôn Tam Sơn	DC	xã Thường Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 20' 06"	105° 56' 18"					F-48-68-B-d
thôn Tân Hiệp	DC	xã Thường Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 20' 10"	105° 57' 19"					F-48-68-B-d
thôn Tân Tiến	DC	xã Thường Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 20' 09"	105° 56' 51"					F-48-68-B-d
thôn Thống Nhất	DC	xã Thường Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 19' 34"	105° 57' 20"					F-48-68-B-d
cầu Thường Thắng	KX	xã Thường Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 20' 41"	105° 56' 45"					F-48-68-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tiến Bộ	DC	xã Thường Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 19' 53"	105° 57' 47"					F-48-68-B-d
thôn Trong Làng	DC	xã Thường Thắng	H. Hiệp Hòa	21° 20' 21"	105° 57' 28"					F-48-68-B-d
thôn Cẩm Bào	DC	xã Xuân Cẩm	H. Hiệp Hòa	21° 18' 02"	105° 55' 55"					F-48-68-B-d
thôn Cẩm Hoàng	DC	xã Xuân Cẩm	H. Hiệp Hòa	21° 16' 14"	105° 55' 29"					F-48-68-B-d
thôn Cẩm Trung	DC	xã Xuân Cẩm	H. Hiệp Hòa	21° 18' 20"	105° 56' 52"					F-48-68-B-d
thôn Cẩm Xuyên	DC	xã Xuân Cẩm	H. Hiệp Hòa	21° 17' 11"	105° 55' 29"					F-48-68-B-d
sông Cầu	TV	xã Xuân Cẩm	H. Hiệp Hòa			21° 17' 45"	105° 55' 30"	21° 15' 46"	105° 55' 38"	F-48-68-B-d
xóm Đồng Cao	DC	xã Xuân Cẩm	H. Hiệp Hòa	21° 18' 03"	105° 56' 36"					F-48-68-B-d
xóm Đồng Phướn	DC	xã Xuân Cẩm	H. Hiệp Hòa	21° 18' 21"	105° 56' 25"					F-48-68-B-d
kênh H1	TV	xã Xuân Cẩm	H. Hiệp Hòa			21° 18' 53"	105° 56' 21"	21° 18' 09"	105° 56' 19"	F-48-68-B-d
xóm Nội Tròn	DC	xã Xuân Cẩm	H. Hiệp Hòa	21° 18' 13"	105° 56' 35"					F-48-68-B-d
thôn Xuân Biều	DC	xã Xuân Cẩm	H. Hiệp Hòa	21° 18' 12"	105° 55' 37"					F-48-68-B-d
quốc lộ 1A	KX	TT. Vôi	H. Lạng Giang			21° 21' 52"	106° 15' 39"	21° 20' 53"	106° 15' 19"	F-48-69-B-c
thôn An Mỹ	DC	TT. Vôi	H. Lạng Giang	21° 20' 53"	106° 15' 04"					F-48-69-B-c
thôn Chu Nguyên	DC	TT. Vôi	H. Lạng Giang	21° 21' 28"	106° 15' 17"					F-48-69-B-c
thôn Kim Sơn	DC	TT. Vôi	H. Lạng Giang	21° 21' 31"	106° 14' 40"					F-48-69-B-c
thôn Nguyễn	DC	TT. Vôi	H. Lạng Giang	21° 21' 52"	106° 15' 33"					F-48-69-B-c
thôn Non Cải	DC	TT. Vôi	H. Lạng Giang	21° 21' 11"	106° 15' 08"					F-48-69-B-c
thôn Ổ Chương	DC	TT. Vôi	H. Lạng Giang	21° 21' 40"	106° 15' 00"					F-48-69-B-c
thôn Sơn Lập	DC	TT. Vôi	H. Lạng Giang	21° 21' 12"	106° 14' 44"					F-48-69-B-c
thôn Toàn Mỹ	DC	TT. Vôi	H. Lạng Giang	21° 21' 04"	106° 15' 29"					F-48-69-B-c
phố Vôi	DC	TT. Vôi	H. Lạng Giang	21° 21' 24"	106° 15' 34"					F-48-69-B-c
thôn Đồi Mới	DC	xã An Hà	H. Lạng Giang	21° 24' 51"	106° 14' 45"					F-48-69-A-b
thôn Ẻm	DC	xã An Hà	H. Lạng Giang	21° 25' 15"	106° 14' 59"					F-48-69-B-a
thôn Hôn - Vàng	DC	xã An Hà	H. Lạng Giang	21° 24' 43"	106° 13' 43"					F-48-69-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Kép	DC	xã An Hà	H. Lạng Giang	21° 25' 10"	106° 14' 17"					F-48-69-A-b
thôn Mác	DC	xã An Hà	H. Lạng Giang	21° 24' 53"	106° 13' 19"					F-48-69-A-b
thôn Mè	DC	xã An Hà	H. Lạng Giang	21° 24' 23"	106° 14' 08"					F-48-69-A-b
thôn Mia	DC	xã An Hà	H. Lạng Giang	21° 25' 43"	106° 13' 55"					F-48-69-A-b
thôn Nguộn	DC	xã An Hà	H. Lạng Giang	21° 25' 14"	106° 14' 37"					F-48-69-A-b
bãi Non Mưa	DC	xã An Hà	H. Lạng Giang	21° 25' 07"	106° 15' 18"					F-48-69-B-a
thôn Pha	DC	xã An Hà	H. Lạng Giang	21° 25' 18"	106° 13' 31"					F-48-69-A-b
thôn Trung	DC	xã An Hà	H. Lạng Giang	21° 25' 10"	106° 14' 17"					F-48-69-A-b
quốc lộ 31	KX	xã Đại Lâm	H. Lạng Giang			21° 17' 39"	106° 16' 37"	21° 17' 52"	106° 13' 21"	F-48-69-B-c
thôn Dầu	DC	xã Đại Lâm	H. Lạng Giang	21° 19' 28"	106° 17' 16"					F-48-69-B-c
thôn Dễu	DC	xã Đại Lâm	H. Lạng Giang	21° 18' 33"	106° 16' 53"					F-48-69-B-c
thôn Đại Giáp	DC	xã Đại Lâm	H. Lạng Giang	21° 17' 21"	106° 18' 04"					F-48-69-B-c
cầu Đại Giáp	KX	xã Đại Lâm	H. Lạng Giang	21° 17' 44"	106° 17' 55"					F-48-69-B-c
Đằng Ông	DC	xã Đại Lâm	H. Lạng Giang	21° 18' 08"	106° 17' 10"					F-48-69-B-c
thôn Hậu	DC	xã Đại Lâm	H. Lạng Giang	21° 17' 49"	106° 17' 10"					F-48-69-B-c
ngòi Quất Lâm	TV	xã Đại Lâm	H. Lạng Giang			21° 07' 50"	106° 15' 34"	21° 17' 08"	106° 17' 01"	F-48-69-B-c
ngòi Sàn	TV	xã Đại Lâm	H. Lạng Giang			21° 19' 57"	106° 17' 20"	21° 17' 14"	106° 17' 45"	F-48-69-B-c
thôn Bến Cát	DC	xã Đào Mỹ	H. Lạng Giang	21° 25' 51"	106° 11' 04"					F-48-69-A-b
Bến Sâu	DC	xã Đào Mỹ	H. Lạng Giang	21° 25' 53"	106° 11' 46"					F-48-69-A-b
thôn Đồng Quang	DC	xã Đào Mỹ	H. Lạng Giang	21° 25' 28"	106° 11' 34"					F-48-69-A-b
thôn Đông Thắng	DC	xã Đào Mỹ	H. Lạng Giang	21° 25' 27"	106° 11' 53"					F-48-69-A-b
thôn Gai Bún	DC	xã Đào Mỹ	H. Lạng Giang	21° 26' 25"	106° 11' 50"					F-48-69-A-b
thôn Mỹ Phúc	DC	xã Đào Mỹ	H. Lạng Giang	21° 25' 20"	106° 11' 54"					F-48-69-A-b
thôn Nùa Quán	DC	xã Đào Mỹ	H. Lạng Giang	21° 25' 55"	106° 12' 05"					F-48-69-A-b
thôn Núi Dứa	DC	xã Đào Mỹ	H. Lạng Giang	21° 39' 59"	106° 12' 33"					F-48-69-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ruồng Cái	DC	xã Đào Mỹ	H. Lạng Giang	21° 25' 06"	106° 11' 46"					F-48-69-A-b
thôn Tân Hoa	DC	xã Đào Mỹ	H. Lạng Giang	21° 25' 19"	106° 12' 54"					F-48-69-A-b
thôn Tân Phúc	DC	xã Đào Mỹ	H. Lạng Giang	21° 24' 56"	106° 12' 13"					F-48-69-A-b
thôn Tân Trung	DC	xã Đào Mỹ	H. Lạng Giang	21° 25' 04"	106° 12' 35"					F-48-69-A-b
thôn Tây Lò	DC	xã Đào Mỹ	H. Lạng Giang	21° 25' 39"	106° 12' 07"					F-48-69-A-b
sông Thương	TV	xã Đào Mỹ	H. Lạng Giang			21° 26' 33"	106° 12' 20"	21° 25' 47"	106° 10' 52"	F-48-69-A-b
thôn Cầu Đầm	DC	xã Dương Đức	H. Lạng Giang	21° 22' 47"	106° 11' 19"					F-48-69-A-b
thôn Cầu Phên	DC	xã Dương Đức	H. Lạng Giang	21° 22' 20"	106° 11' 05"					F-48-69-A-d
thôn Cầu Ván	DC	xã Dương Đức	H. Lạng Giang	21° 22' 05"	106° 11' 21"					F-48-69-A-d
thôn Chùa	DC	xã Dương Đức	H. Lạng Giang	21° 21' 54"	106° 11' 15"					F-48-69-A-d
thôn Đậu	DC	xã Dương Đức	H. Lạng Giang	21° 22' 02"	106° 11' 04"					F-48-69-A-d
thôn Đồng	DC	xã Dương Đức	H. Lạng Giang	21° 21' 59"	106° 10' 55"					F-48-69-A-d
thôn Đức Thọ 17	DC	xã Dương Đức	H. Lạng Giang	21° 21' 18"	106° 11' 35"					F-48-69-A-d
thôn Đức Thọ 19	DC	xã Dương Đức	H. Lạng Giang	21° 20' 31"	106° 11' 35"					F-48-69-A-d
thôn Lâm Sơn	DC	xã Dương Đức	H. Lạng Giang	21° 22' 53"	106° 11' 45"					F-48-69-A-b
chợ Than	KX	xã Dương Đức	H. Lạng Giang	21° 21' 50"	106° 11' 22"					F-48-69-A-d
thôn Thị	DC	xã Dương Đức	H. Lạng Giang	21° 22' 13"	106° 10' 60"					F-48-69-A-d
sông Thương	TV	xã Dương Đức	H. Lạng Giang			21° 23' 10"	106° 10' 24"	21° 20' 29"	106° 11' 26"	F-48-69-A-d
thôn Thượng	DC	xã Dương Đức	H. Lạng Giang	21° 23' 02"	106° 10' 53"					F-48-69-A-b
thôn 1	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang	21° 24' 07"	106° 14' 30"					F-48-69-A-b
thôn 3	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang	21° 23' 50"	106° 14' 30"					F-48-69-A-b
thôn 4	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang	21° 23' 41"	106° 12' 15"					F-48-69-A-b
thôn 6	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang	21° 23' 39"	106° 14' 49"					F-48-69-A-b
thôn 19	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang	21° 23' 40"	106° 16' 27"					F-48-69-B-a
thôn 20	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang	21° 23' 46"	106° 16' 28"					F-48-69-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1A	KX	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang			21° 23' 59"	106° 16' 27"	21° 22' 19"	106° 15' 47"	
thôn Bén Dưới	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang							
thôn Bén Trên	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang							
thôn Chùa Dưới	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang							
thôn Chùa Ngoài	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang							
thôn Chùa Trên	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang							
thôn Chùa Trong	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang							
thôn Kiễm Ngoài	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang	21° 23' 13"	106° 15' 28"					F-48-69-B-a
thôn Kiễm Trong	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang	21° 23' 13"	106° 15' 28"					F-48-69-B-a
thôn Rộng	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang	21° 23' 05"	106° 16' 56"					F-48-69-B-a
thôn Tự Dưới	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang	21° 22' 49"	106° 16' 02"					F-48-69-B-a
thôn Tự Trên	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang	21° 22' 49"	106° 16' 02"					F-48-69-B-a
thôn Vàng	DC	xã Hương Lạc	H. Lạng Giang	21° 22' 52"	106° 15' 45"					F-48-69-B-a
khu Bãi Bằng	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 25' 06"	106° 18' 23"					F-48-69-B-a
khu Cà Phê	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 26' 47"	106° 19' 13"					F-48-69-B-a
thôn Càn	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 24' 20"	106° 17' 28"					F-48-69-B-a
thôn Cần Cốc	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 25' 50"	106° 18' 35"					F-48-69-B-a
thôn Cánh Phượng	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 26' 19"	106° 18' 34"					F-48-69-B-a
thôn Cầu Bằng	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 26' 05"	106° 17' 19"					F-48-69-B-a
thôn Cẩy	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 22' 59"	106° 18' 28"					F-48-69-B-a
thôn Chí Mìu	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 26' 30"	106° 18' 08"					F-48-69-B-a
thôn Đồng Khuôn	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 25' 14"	106° 19' 11"					F-48-69-B-a
thôn Đồng Thủy	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 22' 60"	106° 19' 12"					F-48-69-B-a
thôn Đồng Ú	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 25' 50"	106° 19' 12"					F-48-69-B-a
thôn Hèo A	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 24' 45"	106° 17' 32"					F-48-69-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hố Cao	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 24' 29"	106° 19' 12"					F-48-69-B-a
đập Hố Cao	KX	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 26' 34"	106° 19' 36"					F-48-69-B-a
Hố Ngái	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 22' 58"	106° 18' 54"					F-48-69-B-a
Hoàng Sơn	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 23' 31"	106° 16' 58"					F-48-69-B-a
thôn Hưởng 8	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 22' 59"	106° 17' 56"					F-48-69-B-a
thôn Hương Thân	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 24' 17"	106° 17' 54"					F-48-69-B-a
thôn Kép 11	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 24' 14"	106° 17' 02"					F-48-69-B-a
thôn Kép 12	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 24' 27"	106° 17' 08"					F-48-69-B-a
thôn Khuân Giàn	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 23' 25"	106° 18' 37"					F-48-69-B-a
thôn Phú Lợi	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 26' 35"	106° 18' 34"					F-48-69-B-a
thôn Quỳnh	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 23' 21"	106° 17' 19"					F-48-69-B-a
sông Thương	TV	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang			21° 26' 39"	106° 17' 35"	21° 26' 09"	106° 48' 43"	F-48-69-B-a
thôn Tiền Sơn	DC	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 23' 21"	106° 16' 45"					F-48-69-B-a
Nhà máy Xi măng Hương Sơn	KX	xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	21° 26' 41"	106° 17' 44"					F-48-69-B-a
khu Bến	DC	xã Mỹ Hà	H. Lạng Giang	21° 23' 50"	106° 10' 21"					F-48-69-A-b
khu Bùi	DC	xã Mỹ Hà	H. Lạng Giang	21° 23' 43"	106° 10' 39"					F-48-69-A-b
thôn Đụn	DC	xã Mỹ Hà	H. Lạng Giang	21° 25' 01"	106° 10' 30"					F-48-69-A-b
thôn Ngoài	DC	xã Mỹ Hà	H. Lạng Giang	21° 24' 30"	106° 10' 32"					F-48-69-A-b
thôn Sàn	DC	xã Mỹ Hà	H. Lạng Giang	21° 24' 47"	106° 10' 12"					F-48-69-A-b
sông Thương	TV	xã Mỹ Hà	H. Lạng Giang			21° 25' 21"	106° 10' 28"	21° 23' 10"	106° 10' 24"	F-48-69-A-b
thôn Cả	DC	xã Mỹ Thái	H. Lạng Giang	21° 19' 41"	106° 13' 29"					F-48-69-A-d
thôn Cầu Trong	DC	xã Mỹ Thái	H. Lạng Giang	21° 21' 41"	106° 12' 40"					F-48-69-A-d
thôn Chi Lễ	DC	xã Mỹ Thái	H. Lạng Giang	21° 20' 28"	106° 12' 09"					F-48-69-A-d
thôn Cò	DC	xã Mỹ Thái	H. Lạng Giang	21° 20' 07"	106° 12' 28"					F-48-69-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hạ	DC	xã Mỹ Thái	H. Lạng Giang	21° 20' 10"	106° 13' 17"					F-48-69-A-d
thôn Nguyên	DC	xã Mỹ Thái	H. Lạng Giang	21° 19' 54"	106° 13' 10"					F-48-69-A-d
thôn Thượng	DC	xã Mỹ Thái	H. Lạng Giang	21° 20' 25"	106° 13' 30"					F-48-69-A-d
thôn Bằng	DC	xã Nghĩa Hòa	H. Lạng Giang	21° 25' 35"	106° 15' 01"					F-48-69-B-a
thôn Đảng	DC	xã Nghĩa Hòa	H. Lạng Giang	21° 26' 10"	106° 13' 59"					F-48-69-A-b
cầu Đông Sơn	KX	xã Nghĩa Hòa	H. Lạng Giang							
thôn Giữa	DC	xã Nghĩa Hòa	H. Lạng Giang	21° 26' 17"	106° 14' 10"					F-48-69-A-b
thôn Hạ	DC	xã Nghĩa Hòa	H. Lạng Giang	21° 25' 47"	106° 14' 35"					F-48-69-A-b
thôn Heo	DC	xã Nghĩa Hòa	H. Lạng Giang	21° 25' 55"	106° 14' 53"					F-48-69-A-b
thôn Sâu	DC	xã Nghĩa Hòa	H. Lạng Giang	21° 26' 07"	106° 14' 21"					F-48-69-A-b
sông Thương	TV	xã Nghĩa Hòa	H. Lạng Giang			21° 26' 57"	106° 14' 33"	21° 26' 56"	106° 13' 49"	F-48-69-A-b
thôn Vàng	DC	xã Nghĩa Hòa	H. Lạng Giang	21° 26' 17"	106° 13' 52"					F-48-69-A-b
thôn Bờ Lở	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Lạng Giang	21° 27' 08"	106° 13' 16"					F-48-69-A-b
thôn Dâu	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Lạng Giang	21° 26' 12"	106° 13' 26"					F-48-69-A-b
thôn De	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Lạng Giang	21° 26' 22"	106° 13' 01"					F-48-69-A-b
thôn Khoát	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Lạng Giang	21° 26' 30"	106° 13' 40"					F-48-69-A-b
sông Thương	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Lạng Giang			21° 26' 56"	106° 13' 49"	21° 26' 33"	106° 12' 20"	F-48-69-A-b
thôn Trằm	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Lạng Giang	21° 27' 03"	106° 12' 36"					F-48-69-A-b
quốc lộ 1A	KX	xã Phi Mô	H. Lạng Giang			21° 19' 18"	106° 14' 41"	21° 20' 53"	106° 15' 19"	F-48-69-B-c
thôn Đại Phú 1	DC	xã Phi Mô	H. Lạng Giang	21° 20' 33"	106° 15' 18"					F-48-69-B-c
thôn Đại Phú 2	DC	xã Phi Mô	H. Lạng Giang	21° 20' 17"	106° 15' 17"					F-48-69-B-c
kênh Giữa	TV	xã Phi Mô	H. Lạng Giang			21° 20' 56"	106° 15' 45"	21° 19' 36"	106° 15' 04"	F-48-69-B-c
thôn Hoành Sơn	DC	xã Phi Mô	H. Lạng Giang	21° 20' 31"	106° 13' 27"					F-48-69-A-d
thôn Phi Mô	DC	xã Phi Mô	H. Lạng Giang	21° 20' 32"	106° 14' 16"					F-48-69-A-d
thôn Phú Độ	DC	xã Phi Mô	H. Lạng Giang	21° 19' 38"	106° 14' 15"					F-48-69-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Quảng Mô	DC	xã Phi Mô	H. Lạng Giang	21° 19' 49"	106° 13' 50"					F-48-69-A-d
thôn Tân Luận	DC	xã Phi Mô	H. Lạng Giang	21° 20' 47"	106° 14' 44"					F-48-69-A-d
thôn Tân Thành	DC	xã Phi Mô	H. Lạng Giang	21° 19' 53"	106° 14' 47"					F-48-69-A-d
quốc lộ 1A	KX	xã Quang Thịnh	H. Lạng Giang			21° 25' 30"	106° 16' 44"	21° 26' 46"	106° 17' 26"	F-48-69-B-a
thôn Cầu Đá	DC	xã Quang Thịnh	H. Lạng Giang	21° 26' 10"	106° 17' 02"					F-48-69-B-a
cầu Đen	KX	xã Quang Thịnh	H. Lạng Giang	21° 26' 10"	106° 17' 02"					F-48-69-B-a
cầu Lường	KX	xã Quang Thịnh	H. Lạng Giang	21° 26' 36"	106° 17' 17"					F-48-69-B-a
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Quang Thịnh	H. Lạng Giang	21° 26' 52"	106° 16' 55"					F-48-69-B-a
thôn Quang Hiển	DC	xã Quang Thịnh	H. Lạng Giang	21° 26' 13"	106° 16' 02"					F-48-69-B-a
thôn Tân Mỹ	DC	xã Quang Thịnh	H. Lạng Giang	21° 26' 32"	106° 15' 40"					F-48-69-B-a
thôn Tân Thịnh	DC	xã Quang Thịnh	H. Lạng Giang	21° 26' 54"	106° 15' 11"					F-48-69-B-a
thôn Thanh Lương	DC	xã Quang Thịnh	H. Lạng Giang	21° 25' 49"	106° 16' 40"					F-48-69-B-a
sông Thương	TV	xã Quang Thịnh	H. Lạng Giang			21° 26' 57"	106° 14' 33"	21° 26' 39"	106° 17' 35"	F-48-69-B-a
thôn Trường Thịnh	DC	xã Quang Thịnh	H. Lạng Giang	21° 27' 08"	106° 14' 44"					F-48-69-A-b
đường tỉnh 295	KX	xã Tân Dĩnh	H. Lạng Giang			21° 19' 41"	106° 14' 50"	21° 18' 06"	106° 13' 19"	F-48-69-B-c
thôn Cầu Chính	DC	xã Tân Dĩnh	H. Lạng Giang	21° 17' 55"	106° 14' 27"					F-48-69-A-d
đầm Cút	TV	xã Tân Dĩnh	H. Lạng Giang	21° 18' 48"	106° 15' 13"					F-48-69-B-c
thôn Dĩnh Cầu	DC	xã Tân Dĩnh	H. Lạng Giang	21° 18' 03"	106° 13' 46"					F-48-69-A-d
thôn Dĩnh Lục 1	DC	xã Tân Dĩnh	H. Lạng Giang	21° 18' 29"	106° 15' 02"					F-48-69-B-c
thôn Dĩnh Xuyên	DC	xã Tân Dĩnh	H. Lạng Giang	21° 19' 12"	106° 14' 16"					F-48-69-A-d
phố Giỏ	DC	xã Tân Dĩnh	H. Lạng Giang	21° 19' 02"	106° 14' 42"					F-48-69-A-d
Trường Kinh tế Kỹ thuật Bắc Giang	KX	xã Tân Dĩnh	H. Lạng Giang	21° 18' 17"	106° 14' 03"					F-48-69-A-d
thôn Liên Sơn	DC	xã Tân Dĩnh	H. Lạng Giang	21° 18' 48"	106° 13' 51"					F-48-69-A-d
thôn Tân Mới	DC	xã Tân Dĩnh	H. Lạng Giang	21° 18' 00"	106° 14' 54"					F-48-69-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Sơn	DC	xã Tân Dĩnh	H. Lạng Giang	21° 18' 33"	106° 14' 10"					F-48-69-A-d
thôn Vinh Sơn	DC	xã Tân Dĩnh	H. Lạng Giang	21° 18' 28"	106° 13' 31"					F-48-69-A-d
Ao Sàn	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 22' 03"	106° 17' 25"					F-48-69-B-c
thôn Bãi Sim	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 22' 03"	106° 16' 52"					F-48-69-B-c
thôn Cao Thượng	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 21' 44"	106° 16' 31"					F-48-69-B-c
thôn Cầu Bài	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 21' 02"	106° 17' 43"					F-48-69-B-c
Cầu Mấu	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 22' 27"	106° 17' 25"					F-48-69-B-c
thôn Chuông Vàng	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 21' 18"	106° 18' 15"					F-48-69-B-c
Cống Ngóc	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 21' 41"	106° 16' 52"					F-48-69-B-c
Dinh Nội	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 20' 30"	106° 18' 18"					F-48-69-B-c
Đồng Chảnh	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 20' 54"	106° 17' 51"					F-48-69-B-c
thôn Đồng Nô	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 21' 06"	106° 18' 05"					F-48-69-B-c
thôn Hố Vầu	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 22' 06"	106° 18' 07"					F-48-69-B-c
thôn Mỹ Hưng	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 21' 24"	106° 16' 32"					F-48-69-B-c
thôn Nước Giời	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 20' 18"	106° 17' 57"					F-48-69-B-c
Rừng Hương	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 21' 56"	106° 18' 29"					F-48-69-B-c
Rừng Lẫn	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 20' 31"	106° 17' 29"					F-48-69-B-c
thôn Sông Cùng	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 20' 54"	106° 17' 45"					F-48-69-B-c
thôn Tân Dinh	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 20' 43"	106° 18' 05"					F-48-69-B-c
thôn Tân Thành - Cây Táo	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 21' 04"	106° 18' 33"					F-48-69-B-c
Thiên Thanh	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 21' 29"	106° 17' 02"					F-48-69-B-c
thôn Trại Mới	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 21' 22"	106° 17' 01"					F-48-69-B-c
thôn Trung Phụ Ngoài	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 21' 34"	106° 17' 29"					F-48-69-B-c
thôn Vĩnh Thịnh	DC	xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	21° 21' 17"	106° 16' 52"					F-48-69-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Châu	DC	xã Tân Thanh	H. Lạng Giang	21° 21' 11"	106° 14' 10"					F-48-69-A-d
thôn Chùa Hà	DC	xã Tân Thanh	H. Lạng Giang	21° 21' 14"	106° 13' 42"					F-48-69-A-d
thôn Chung	DC	xã Tân Thanh	H. Lạng Giang	21° 22' 17"	106° 12' 35"					F-48-69-A-d
thôn Đông	DC	xã Tân Thanh	H. Lạng Giang	21° 22' 11"	106° 13' 02"					F-48-69-A-d
xóm Hạ	DC	xã Tân Thanh	H. Lạng Giang	21° 22' 40"	106° 15' 17"					F-48-69-B-a
thôn Mải Hạ	DC	xã Tân Thanh	H. Lạng Giang	21° 22' 41"	106° 13' 24"					F-48-69-A-b
thôn Nguộn	DC	xã Tân Thanh	H. Lạng Giang	21° 21' 46"	106° 13' 51"					F-48-69-A-d
thôn Sàn	DC	xã Tân Thanh	H. Lạng Giang	21° 22' 57"	106° 14' 17"					F-48-69-A-b
thôn Tê	DC	xã Tân Thanh	H. Lạng Giang	21° 22' 22"	106° 12' 23"					F-48-69-A-d
thôn Thuận	DC	xã Tân Thanh	H. Lạng Giang	21° 20' 59"	106° 12' 27"					F-48-69-A-d
thôn Tuấn Mỹ	DC	xã Tân Thanh	H. Lạng Giang	21° 22' 22"	106° 14' 13"					F-48-69-A-d
thôn Tuấn Thịnh	DC	xã Tân Thanh	H. Lạng Giang	21° 23' 12"	106° 14' 51"					F-48-69-A-b
quốc lộ 1A	KX	xã Tân Thịnh	H. Lạng Giang			21° 25' 30"	106° 16' 44"	21° 24' 03"	106° 16' 31"	F-48-69-B-a
thôn Cả	DC	xã Tân Thịnh	H. Lạng Giang	21° 24' 29"	106° 15' 42"					F-48-69-B-a
thôn Dinh	DC	xã Tân Thịnh	H. Lạng Giang	21° 24' 16"	106° 16' 06"					F-48-69-B-a
thôn Đồng 2	DC	xã Tân Thịnh	H. Lạng Giang	21° 25' 10"	106° 16' 01"					F-48-69-B-a
thôn Hải	DC	xã Tân Thịnh	H. Lạng Giang	21° 24' 17"	106° 15' 03"					F-48-69-B-a
ga Kép	KX	xã Tân Thịnh	H. Lạng Giang	21° 25' 01"	106° 17' 20"					F-48-69-B-a
khu Khau Lình	DC	xã Tân Thịnh	H. Lạng Giang	21° 24' 37"	106° 15' 12"					F-48-69-B-a
thôn Lèo	DC	xã Tân Thịnh	H. Lạng Giang	21° 25' 16"	106° 16' 54"					F-48-69-B-a
thôn Sậm	DC	xã Tân Thịnh	H. Lạng Giang	21° 24' 51"	106° 16' 28"					F-48-69-B-a
thôn Tân	DC	xã Tân Thịnh	H. Lạng Giang	21° 25' 12"	106° 16' 27"					F-48-69-B-a
thôn Vạc	DC	xã Tân Thịnh	H. Lạng Giang	21° 24' 55"	106° 15' 25"					F-48-69-B-a
quốc lộ 31	KX	xã Thái Đào	H. Lạng Giang			21° 17' 27"	106° 15' 09"	21° 17' 39"	106° 16' 37"	F-48-69-B-c
thôn An Thái	DC	xã Thái Đào	H. Lạng Giang	21° 17' 08"	106° 15' 30"					F-48-69-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Chùa	DC	xã Thái Đào	H. Lạng Giang	21° 17' 38"	106° 15' 55"					F-48-69-B-c
thôn Cống	DC	xã Thái Đào	H. Lạng Giang	21° 17' 17"	106° 16' 54"					F-48-69-B-c
thôn Ghép	DC	xã Thái Đào	H. Lạng Giang	21° 17' 31"	106° 16' 15"					F-48-69-B-c
thôn Giạ	DC	xã Thái Đào	H. Lạng Giang	21° 16' 51"	106° 15' 29"					F-48-69-B-c
ngòi Quất Lâm	TV	xã Thái Đào	H. Lạng Giang			21° 17' 27"	106° 16' 43"	21° 17' 08"	106° 17' 01"	F-48-69-B-c
cầu Quất Lâm	KX	xã Thái Đào	H. Lạng Giang	21° 17' 39"	106° 16' 37"					F-48-69-B-c
thôn Tân Đông	DC	xã Thái Đào	H. Lạng Giang	21° 16' 56"	106° 15' 58"					F-48-69-B-c
thôn Tân Lập	DC	xã Thái Đào	H. Lạng Giang	21° 18' 03"	106° 15' 55"					F-48-69-B-c
thôn Then	DC	xã Thái Đào	H. Lạng Giang	21° 17' 15"	106° 15' 60"					F-48-69-B-c
thôn Thiếp Trì	DC	xã Thái Đào	H. Lạng Giang	21° 18' 34"	106° 16' 05"					F-48-69-B-c
thôn Vạc	DC	xã Thái Đào	H. Lạng Giang	21° 18' 01"	106° 16' 26"					F-48-69-B-c
đồi Ba Cây	SV	xã Tiên Lục	H. Lạng Giang	21° 23' 38"	106° 13' 54"					F-48-69-A-b
thôn Bãi Cả	DC	xã Tiên Lục	H. Lạng Giang	21° 23' 17"	106° 13' 11"					F-48-69-A-b
thôn Cầu Gỗ	DC	xã Tiên Lục	H. Lạng Giang	21° 23' 42"	106° 12' 38"					F-48-69-A-b
Đồi Cao	DC	xã Tiên Lục	H. Lạng Giang	21° 24' 36"	106° 11' 50"					F-48-69-A-b
thôn Đồng Kim	DC	xã Tiên Lục	H. Lạng Giang	21° 24' 08"	106° 14' 04"					F-48-69-A-b
thôn Giếng	DC	xã Tiên Lục	H. Lạng Giang	21° 24' 04"	106° 11' 22"					F-48-69-A-b
thôn Giữa	DC	xã Tiên Lục	H. Lạng Giang	21° 24' 19"	106° 11' 34"					F-48-69-A-b
Gốc Quéo	DC	xã Tiên Lục	H. Lạng Giang	21° 23' 26"	106° 13' 34"					F-48-69-A-b
thôn Ngoài	DC	xã Tiên Lục	H. Lạng Giang	21° 25' 07"	106° 11' 06"					F-48-69-A-b
thôn Ngoẹn	DC	xã Tiên Lục	H. Lạng Giang	21° 24' 30"	106° 11' 32"					F-48-69-A-b
đồi Rừng Ninh	SV	xã Tiên Lục	H. Lạng Giang	21° 23' 50"	106° 11' 42"					F-48-69-A-b
thôn Tám Sào	DC	xã Tiên Lục	H. Lạng Giang	21° 24' 04"	106° 13' 04"					F-48-69-A-b
thôn Tây	DC	xã Tiên Lục	H. Lạng Giang	21° 24' 05"	106° 11' 03"					F-48-69-A-b
thôn Trong	DC	xã Tiên Lục	H. Lạng Giang	21° 24' 46"	106° 11' 03"					F-48-69-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vàng	DC	xã Tiên Lục	H. Lạng Giang	21° 24' 52"	106° 11' 24"					F-48-69-A-b
thôn Am	DC	xã Xuân Hương	H. Lạng Giang	21° 19' 35"	106° 12' 55"					F-48-69-A-d
thôn Chùa	DC	xã Xuân Hương	H. Lạng Giang	21° 18' 57"	106° 12' 35"					F-48-69-A-d
thôn Đình	DC	xã Xuân Hương	H. Lạng Giang	21° 19' 17"	106° 12' 44"					F-48-69-A-d
thôn Gai	DC	xã Xuân Hương	H. Lạng Giang	21° 19' 01"	106° 12' 58"					F-48-69-A-d
thôn Hoa	DC	xã Xuân Hương	H. Lạng Giang	21° 20' 10"	106° 11' 44"					F-48-69-A-d
thôn Hương Mãn	DC	xã Xuân Hương	H. Lạng Giang	21° 18' 28"	106° 12' 38"					F-48-69-A-d
thôn Lẻ	DC	xã Xuân Hương	H. Lạng Giang	21° 19' 49"	106° 11' 28"					F-48-69-A-d
trại Phúc Mãn	DC	xã Xuân Hương	H. Lạng Giang	21° 19' 19"	106° 11' 37"					F-48-69-A-d
sông Thương	TV	xã Xuân Hương	H. Lạng Giang							
thôn Vườn	DC	xã Xuân Hương	H. Lạng Giang	21° 19' 58"	106° 11' 51"					F-48-69-A-d
Đông Lễ 1	DC	xã Xương Lâm	H. Lạng Giang	21° 19' 37"	106° 15' 53"					F-48-69-B-c
thôn Đông Thịnh	DC	xã Xương Lâm	H. Lạng Giang	20° 48' 01"	106° 17' 06"					F-48-69-B-c
làng Lễ Nhượng	DC	xã Xương Lâm	H. Lạng Giang	21° 19' 27"	106° 15' 31"					F-48-69-B-c
thôn Liên Hòa	DC	xã Xương Lâm	H. Lạng Giang	21° 20' 57"	106° 16' 45"					F-48-69-B-c
thôn Nam Hòa	DC	xã Xương Lâm	H. Lạng Giang	21° 20' 59"	106° 16' 23"					F-48-69-B-c
thôn Nam Tiến 1	DC	xã Xương Lâm	H. Lạng Giang	21° 20' 17"	106° 16' 21"					F-48-69-B-c
thôn Quyết Thắng 1	DC	xã Xương Lâm	H. Lạng Giang	21° 20' 39"	106° 16' 46"					F-48-69-B-c
thôn Quyết Tiến 1	DC	xã Xương Lâm	H. Lạng Giang	21° 20' 15"	106° 16' 49"					F-48-69-B-c
thôn Tân Hòa	DC	xã Xương Lâm	H. Lạng Giang	21° 20' 56"	106° 16' 09"					F-48-69-B-c
thôn An Long	DC	xã Yên Mỹ	H. Lạng Giang	21° 21' 18"	106° 16' 13"					F-48-69-B-c
thôn Ao Luông	DC	xã Yên Mỹ	H. Lạng Giang	21° 22' 10"	106° 14' 37"					F-48-69-B-c
thôn Đầu Cầu	DC	xã Yên Mỹ	H. Lạng Giang	21° 22' 01"	106° 16' 12"					F-48-69-B-c
thôn Đồng Lạc	DC	xã Yên Mỹ	H. Lạng Giang	21° 21' 01"	106° 16' 06"					F-48-69-B-c
thôn Ngành	DC	xã Yên Mỹ	H. Lạng Giang	21° 21' 46"	106° 15' 59"					F-48-69-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thống Nhất	DC	xã Yên Mỹ	H. Lạng Giang	21° 22' 01"	106° 16' 12"					F-48-69-B-c
thôn Vinh Quang	DC	xã Yên Mỹ	H. Lạng Giang	21° 22' 12"	106° 15' 15"					F-48-69-B-c
thôn Yên Lại	DC	xã Yên Mỹ	H. Lạng Giang	21° 21' 32"	106° 16' 06"					F-48-69-B-c
thôn Yên Vinh	DC	xã Yên Mỹ	H. Lạng Giang	21° 22' 08"	106° 15' 55"					F-48-69-B-c
quốc lộ 31	KX	TT. Đồi Ngô	H. Lục Nam			21° 18' 04"	106° 22' 48"	21° 18' 56"	106° 23' 47"	F-48-69-B-d
quốc lộ 37	KX	TT. Đồi Ngô	H. Lục Nam			21° 17' 34"	106° 23' 16"	21° 18' 02"	106° 23' 19"	F-48-69-B-d
tổ dân phố Gai	DC	TT. Đồi Ngô	H. Lục Nam	21° 18' 04"	106° 22' 57"					F-48-69-B-d
tổ dân phố Thân	DC	TT. Đồi Ngô	H. Lục Nam	21° 18' 20"	106° 22' 51"					F-48-69-B-d
tổ dân phố Vân Động	DC	TT. Đồi Ngô	H. Lục Nam	21° 18' 23"	106° 23' 20"					F-48-69-B-d
đường tỉnh 293	KX	TT. Lục Nam	H. Lục Nam			21° 17' 54"	106° 24' 32"	21° 17' 43"	106° 24' 50"	F-48-69-B-d
sông Lục Nam	TV	TT. Lục Nam	H. Lục Nam			21° 17' 59"	106° 24' 16"	21° 17' 20"	106° 24' 10"	F-48-69-B-d
đường tỉnh 17	KX	xã Bắc Lũng	H. Lục Nam			21° 14' 16"	106° 22' 07"	21° 14' 41"	106° 22' 47"	F-48-69-D-a
sông Cầu Lồ	TV	xã Bắc Lũng	H. Lục Nam			21° 15' 48"	106° 21' 17"	21° 15' 34"	106° 21' 54"	F-48-69-B-c
thôn Dẫm Chùa	DC	xã Bắc Lũng	H. Lục Nam	21° 15' 01"	106° 22' 01"					F-48-69-B-c
thôn Dẫm Đình	DC	xã Bắc Lũng	H. Lục Nam	21° 15' 04"	106° 22' 10"					F-48-69-B-c
thôn Lọng Đình	DC	xã Bắc Lũng	H. Lục Nam	21° 16' 05"	106° 21' 28"					F-48-69-B-c
thôn Lọng Nghè	DC	xã Bắc Lũng	H. Lục Nam	21° 15' 51"	106° 21' 49"					F-48-69-B-c
xóm Lọng Roi	DC	xã Bắc Lũng	H. Lục Nam	21° 15' 49"	106° 22' 21"					F-48-69-B-c
sông Lục Nam	TV	xã Bắc Lũng	H. Lục Nam			21° 14' 57"	106° 23' 08"	21° 14' 16"	106° 21' 19"	F-48-69-D-b F-48-69-D-a
cầu Lục Nam	KX	xã Bắc Lũng	H. Lục Nam	21° 14' 16"	106° 21' 20"					F-48-69-D-a
xóm Phú	DC	xã Bắc Lũng	H. Lục Nam	21° 14' 34"	106° 22' 57"					F-48-69-D-b
thôn Quỳnh Độ	DC	xã Bắc Lũng	H. Lục Nam	21° 14' 57"	106° 21' 35"					F-48-69-D-a
xóm Sàng	DC	xã Bắc Lũng	H. Lục Nam	21° 15' 42"	106° 22' 27"					F-48-69-B-c
đường tỉnh 295	KX	xã Bảo Đài	H. Lục Nam			21° 18' 43"	106° 22' 01"	21° 19' 21"	106° 20' 54"	F-48-69-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bãi Chánh	DC	xã Bảo Đài	H. Lục Nam	21° 21' 18"	106° 21' 56"					F-48-69-B-c
sông Cầu Lồ	TV	xã Bảo Đài	H. Lục Nam			21° 18' 40"	106° 21' 57"	21° 17' 05"	106° 21' 52"	F-48-69-B-c
thôn Đại Từ	DC	xã Bảo Đài	H. Lục Nam	21° 20' 33"	106° 21' 08"					F-48-69-B-c
thôn Đông	DC	xã Bảo Đài	H. Lục Nam	21° 19' 49"	106° 22' 22"					F-48-69-B-c
cầu Hồ	KX	xã Bảo Đài	H. Lục Nam	21° 19' 14"	106° 21' 07"					F-48-69-B-c
thôn Quê	DC	xã Bảo Đài	H. Lục Nam	21° 20' 20"	106° 21' 33"					F-48-69-B-c
thôn Sen	DC	xã Bảo Đài	H. Lục Nam	21° 19' 25"	106° 21' 36"					F-48-69-B-c
cầu Sen	KX	xã Bảo Đài	H. Lục Nam	21° 18' 43"	106° 22' 01"					F-48-69-B-c
thôn Thuẫn	DC	xã Bảo Đài	H. Lục Nam	21° 20' 12"	106° 21' 53"					F-48-69-B-c
thôn Trung Đồng	DC	xã Bảo Đài	H. Lục Nam	21° 20' 41"	106° 21' 55"					F-48-69-B-c
trại Vàng	DC	xã Bảo Đài	H. Lục Nam	21° 20' 28"	106° 22' 32"					F-48-69-B-d
quốc lộ 37	KX	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam			21° 20' 59"	106° 19' 35"	21° 22' 26"	106° 18' 35"	F-48-69-B-c
xóm Ao Huê	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam	21° 22' 09"	106° 19' 29"					F-48-69-B-c
thôn Bảo Lộc 1	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam							
thôn Bảo Lộc 2	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam							
thôn Đồng Cống	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam	21° 22' 23"	106° 21' 19"					F-48-69-B-c
xóm Hán	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam	21° 21' 59"	106° 18' 47"					F-48-69-B-c
thôn Hồ Sơn 1	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam							
thôn Hồ Sơn 2	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam							
thôn Huê Vận 1	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam							
thôn Huê Vận 2	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam							
xóm Khum	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam	21° 21' 36"	106° 18' 49"					F-48-69-B-c
xóm Mán	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam	21° 21' 31"	106° 19' 51"					F-48-69-B-c
xóm Mỏ Một	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam	21° 22' 34"	106° 20' 41"					F-48-69-B-a
xóm Oai	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam	21° 21' 55"	106° 19' 40"					F-48-69-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Quất Sơn	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam	21° 22' 52"	106° 19' 48"					F-48-69-B-a
thôn Tân Sơn	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam	21° 21' 36"	106° 20' 28"					F-48-69-B-c
thôn Tiên Do	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam	21° 21' 25"	106° 20' 10"					F-48-69-B-c
xóm Trại Mạc	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam	21° 20' 55"	106° 20' 16"					F-48-69-B-c
xóm Trại Nưa	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam	21° 20' 35"	106° 20' 09"					F-48-69-B-c
thôn Yên Thiện	DC	xã Bảo Sơn	H. Lục Nam	21° 21' 15"	106° 21' 10"					F-48-69-B-c
đường tỉnh 293	KX	xã Bình Sơn	H. Lục Nam			21° 14' 40"	106° 35' 12"	21° 14' 48"	106° 36' 46"	F-48-70-C-a
thôn Bãi Cả	DC	xã Bình Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 45"	106° 35' 49"					F-48-70-C-a
thôn Bãi Đá	DC	xã Bình Sơn	H. Lục Nam	21° 16' 27"	106° 34' 55"					F-48-70-A-c
thôn Bình Giang	DC	xã Bình Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 30"	106° 36' 22"					F-48-70-A-c
thôn Cầu Bình	DC	xã Bình Sơn	H. Lục Nam	21° 16' 06"	106° 35' 19"					F-48-70-A-c
rừng Chạt	KX	xã Bình Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 15"	106° 35' 42"					F-48-70-A-c
thôn Cống Thuận	DC	xã Bình Sơn	H. Lục Nam	21° 16' 32"	106° 35' 46"					F-48-70-A-c
sông Coòng	TV	xã Bình Sơn	H. Lục Nam			21° 16' 07"	106° 38' 42"	21° 15' 59"	106° 36' 21"	F-48-70-A-d F-48-70-A-c
thôn Đá Húc	DC	xã Bình Sơn	H. Lục Nam	21° 16' 03"	106° 39' 20"					F-48-70-A-d
hồ Đình	TV	xã Bình Sơn	H. Lục Nam	21° 16' 03"	106° 35' 10"					F-48-70-A-c
thôn Đồng Bản	DC	xã Bình Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 33"	106° 36' 03"					F-48-70-A-c
thôn Đồng Đỉnh	DC	xã Bình Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 43"	106° 36' 32"					F-48-70-C-a
thôn Đồng Gàng	DC	xã Bình Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 03"	106° 35' 17"					F-48-70-A-c
thôn Đồng Hiệu	DC	xã Bình Sơn	H. Lục Nam	21° 16' 33"	106° 34' 06"					F-48-70-A-c
thôn Đồng Sung	DC	xã Bình Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 40"	106° 35' 04"					F-48-70-A-c
thôn Nghè Mản	DC	xã Bình Sơn	H. Lục Nam	21° 16' 06"	106° 38' 32"					F-48-70-A-d
thôn Non Thần	DC	xã Bình Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 29"	106° 34' 55"					F-48-70-A-c
thôn Suối Mản	DC	xã Bình Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 54"	106° 37' 20"					F-48-70-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xóm Làng	DC	xã Bình Sơn	H. Lục Nam	21° 16' 07"	106° 34' 47"					F-48-70-A-c
quốc lộ 37	KX	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam			21° 11' 39"	106° 21' 55"	21° 13' 11"	106° 22' 15"	F-48-69-D-a
núi Ao Rơi	SV	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	21° 11' 31"	106° 20' 24"					F-48-69-D-a
ga Cẩm Lý	KX	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	21° 13' 02"	106° 22' 42"					F-48-69-D-b
thôn Đồng Côm	DC	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	21° 11' 23"	106° 20' 54"					F-48-69-D-a
thôn Hố Dầu	DC	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	21° 12' 23"	106° 23' 11"					F-48-69-D-b
thôn Hố My	DC	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	21° 13' 57"	106° 22' 16"					F-48-69-D-a
thôn Hưng Đạo	DC	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	21° 12' 27"	106° 22' 15"					F-48-69-D-a
núi Huyền Sơn	SV	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	21° 14' 23"	106° 24' 20"					F-48-69-D-b
thôn Kiệu Đông	DC	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	21° 12' 27"	106° 22' 60"					F-48-69-D-b
thôn Kim Xa	DC	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	21° 12' 06"	106° 22' 12"					F-48-69-D-a
thôn Lịch Sơn	DC	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	21° 13' 15"	106° 22' 24"					F-48-69-D-a
thôn Mai Sơn	DC	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	21° 12' 49"	106° 21' 07"					F-48-69-D-a
thôn Mỹ Phong	DC	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	21° 13' 17"	106° 21' 33"					F-48-69-D-a
thôn Mỹ Sơn	DC	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	21° 13' 44"	106° 22' 05"					F-48-69-D-a
thôn Quán Bông	DC	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	21° 12' 27"	106° 21' 52"					F-48-69-D-a
núi Rừng Sa	SV	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	21° 11' 30"	106° 20' 46"					F-48-69-D-a
núi Thanh Hao	SV	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	21° 11' 42"	106° 21' 20"					F-48-69-D-a
thôn Xuân Sơn	DC	xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	21° 13' 23"	106° 22' 36"					F-48-69-D-b
quốc lộ 31	KX	xã Chu Điện	H. Lục Nam			21° 17' 54"	106° 20' 15"	21° 18' 03"	106° 22' 28"	F-48-69-B-c
quốc lộ 37	KX	xã Chu Điện	H. Lục Nam			21° 18' 38"	106° 22' 09"	21° 19' 21"	106° 20' 54"	F-48-69-B-c
núi Ao Dọi	SV	xã Chu Điện	H. Lục Nam	21° 17' 20"	106° 21' 11"					F-48-69-B-c
thôn Bình An	DC	xã Chu Điện	H. Lục Nam	21° 18' 34"	106° 21' 42"					F-48-69-B-c
thôn Hà Tú	DC	xã Chu Điện	H. Lục Nam	21° 18' 11"	106° 22' 04"					F-48-69-B-c
núi Hòn Thông	SV	xã Chu Điện	H. Lục Nam	21° 17' 17"	106° 22' 41"					F-48-69-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Lâm trường Lục Nam	KX	xã Chu Điện	H. Lục Nam	21° 18' 15"	106° 22' 02"					F-48-69-B-c
cầu Mẫu Sơn	KX	xã Chu Điện	H. Lục Nam	21° 18' 00"	106° 21' 52"					F-48-69-B-c
thôn Ngọc Mai	DC	xã Chu Điện	H. Lục Nam	21° 18' 15"	106° 21' 43"					F-48-69-B-c
thôn Xuân Phong	DC	xã Chu Điện	H. Lục Nam	21° 18' 25"	106° 21' 47"					F-48-69-B-c
đường tỉnh 293	KX	xã Cương Sơn	H. Lục Nam			21° 17' 43"	106° 24' 50"	21° 17' 18"	106° 26' 18"	F-48-69-B-d
thôn An Đông	DC	xã Cương Sơn	H. Lục Nam	21° 17' 43"	106° 25' 19"					F-48-69-B-d
thôn An Lễ	DC	xã Cương Sơn	H. Lục Nam	21° 18' 08"	106° 25' 11"					F-48-69-B-d
thôn An Nguyễn	DC	xã Cương Sơn	H. Lục Nam	21° 17' 50"	106° 24' 56"					F-48-69-B-d
thôn An Phú	DC	xã Cương Sơn	H. Lục Nam	21° 17' 11"	106° 25' 50"					F-48-69-B-d
thôn An Thịnh	DC	xã Cương Sơn	H. Lục Nam	21° 17' 25"	106° 25' 46"					F-48-69-B-d
thôn Đọ Bến	DC	xã Cương Sơn	H. Lục Nam	21° 18' 06"	106° 24' 17"					F-48-69-B-d
thôn Đọ Làng	DC	xã Cương Sơn	H. Lục Nam	21° 18' 19"	106° 24' 23"					F-48-69-B-d
thôn Đọ Trại	DC	xã Cương Sơn	H. Lục Nam	21° 18' 34"	106° 24' 22"					F-48-69-B-d
sông Lục Nam	TV	xã Cương Sơn	H. Lục Nam			21° 18' 20"	106° 26' 53"	21° 17' 59"	106° 24' 16"	F-48-69-B-d
thôn Vườn	DC	xã Cương Sơn	H. Lục Nam	21° 18' 45"	106° 26' 11"					F-48-69-B-d
núi Vườn	SV	xã Cương Sơn	H. Lục Nam	21° 18' 03"	106° 26' 24"					F-48-69-B-d
núi Ao Rơi	SV	xã Đan Hội	H. Lục Nam	21° 11' 31"	106° 20' 24"					F-48-69-D-a
thôn Bưởi	DC	xã Đan Hội	H. Lục Nam	21° 11' 03"	106° 21' 51"					F-48-69-D-a
thôn Chiền	DC	xã Đan Hội	H. Lục Nam	21° 11' 28"	106° 20' 11"					F-48-69-D-a
thôn Húi	DC	xã Đan Hội	H. Lục Nam	21° 10' 53"	106° 20' 45"					F-48-69-D-a
sông Lục Nam	TV	xã Đan Hội	H. Lục Nam			21° 12' 32"	106° 19' 38"	21° 11' 36"	106° 19' 24"	F-48-69-D-a
thôn Triệu	DC	xã Đan Hội	H. Lục Nam	21° 10' 37"	106° 21' 33"					F-48-69-D-a
thôn Am Sang	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 22' 59"	106° 28' 04"					F-48-69-B-b
suối Au	TV	xã Đông Hưng	H. Lục Nam			21° 26' 26"	106° 25' 20"	21° 19' 40"	106° 26' 14"	F-48-69-B-b F-48-69-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cống 1	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 21' 50"	106° 27' 54"					F-48-69-B-d
thôn Cống 2	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 22' 06"	106° 27' 28"					F-48-69-B-d
thôn Dân Chủ	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 20' 57"	106° 26' 59"					F-48-69-B-d
thôn Dạo Lưới	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 21' 39"	106° 26' 43"					F-48-69-B-d
thôn Đại Đồng	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 22' 37"	106° 28' 20"					F-48-69-B-b
thôn Đồi Thông	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 20' 46"	106° 28' 05"					F-48-69-B-d
thôn Đồng Dầu	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 21' 35"	106° 27' 19"					F-48-69-B-d
thôn Đông Hương	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 21' 01"	106° 27' 28"					F-48-69-B-d
thôn Đồng Phúc	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 21' 55"	106° 26' 45"					F-48-69-B-d
thôn Đồng Xung	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 23' 33"	106° 27' 00"					F-48-69-B-b
thôn Hà Mỹ	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 21' 07"	106° 26' 07"					F-48-69-B-d
thôn Khanh A	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 20' 54"	106° 28' 27"					F-48-69-B-d
thành Nhà Mạc	KX	xã Đông Hưng	H. Lục Nam			21° 22' 30"	106° 26' 39"	21° 20' 35"	106° 25' 56"	F-48-69-B-b F-48-69-B-d
thôn Quan 1	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 21' 12"	106° 27' 29"					F-48-69-B-d
thôn Quan 2	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 20' 55"	106° 26' 24"					F-48-69-B-d
thôn Ruộng 1	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 21' 23"	106° 28' 07"					F-48-69-B-d
thôn Ruộng 2	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 21' 33"	106° 28' 10"					F-48-69-B-d
thôn Tân Kỳ	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 21' 05"	106° 26' 38"					F-48-69-B-d
thôn Tân Quý	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 22' 51"	106° 27' 42"					F-48-69-B-b
thôn Trại Mít	DC	xã Đông Hưng	H. Lục Nam	21° 20' 13"	106° 26' 09"					F-48-69-B-d
thôn Cây Đa	DC	xã Đông Phú	H. Lục Nam	21° 21' 58"	106° 24' 00"					F-48-69-B-d
thôn Đoàn Tùng	DC	xã Đông Phú	H. Lục Nam	21° 21' 48"	106° 23' 56"					F-48-69-B-d
thôn Đồng Tiến	DC	xã Đông Phú	H. Lục Nam	21° 20' 45"	106° 24' 59"					F-48-69-B-d
thôn Đức Giang	DC	xã Đông Phú	H. Lục Nam	21° 21' 26"	106° 25' 56"					F-48-69-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đức Tiến	DC	xã Đông Phú	H. Lục Nam	21° 21' 09"	106° 24' 41"					F-48-69-B-d
suối Gan	TV	xã Đông Phú	H. Lục Nam			21° 22' 30"	106° 24' 01"	21° 21' 00"	106° 23' 44"	F-48-69-B-b F-48-69-B-d
thôn Gẫn	DC	xã Đông Phú	H. Lục Nam	21° 21' 12"	106° 24' 01"					F-48-69-B-d
thôn Hố Lứa	DC	xã Đông Phú	H. Lục Nam	21° 22' 22"	106° 26' 26"					F-48-69-B-d
thôn Lương Ban	DC	xã Đông Phú	H. Lục Nam	21° 21' 13"	106° 23' 38"					F-48-69-B-d
thành Nhà Mạc	KX	xã Đông Phú	H. Lục Nam			21° 22' 30"	106° 26' 39"	21° 20' 31"	106° 25' 55"	F-48-69-B-b F-48-69-B-d
thôn Phong Quang	DC	xã Đông Phú	H. Lục Nam	21° 22' 01"	106° 26' 02"					F-48-69-B-d
thôn Tân Tiến	DC	xã Đông Phú	H. Lục Nam	21° 21' 33"	106° 24' 46"					F-48-69-B-d
thôn Thanh Sơn	DC	xã Đông Phú	H. Lục Nam	21° 21' 55"	106° 24' 42"					F-48-69-B-d
thôn Trại Va	DC	xã Đông Phú	H. Lục Nam	21° 22' 17"	106° 24' 23"					F-48-69-B-d
thôn Trong	DC	xã Đông Phú	H. Lục Nam	21° 21' 27"	106° 25' 24"					F-48-69-B-d
thôn Bình An	DC	xã Huyền Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 05"	106° 23' 52"					F-48-69-B-d
thôn Cấm Sơn	DC	xã Huyền Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 11"	106° 24' 14"					F-48-69-B-d
thôn Chỉ Tác	DC	xã Huyền Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 51"	106° 24' 04"					F-48-69-B-d
thôn Chùa	DC	xã Huyền Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 42"	106° 25' 18"					F-48-69-B-d
thôn Đầng	DC	xã Huyền Sơn	H. Lục Nam	21° 17' 10"	106° 24' 18"					F-48-69-B-d
núi Gốm	SV	xã Huyền Sơn	H. Lục Nam	21° 16' 33"	106° 25' 41"					F-48-69-B-d
núi Huyền Đinh	SV	xã Huyền Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 23"	106° 24' 20"					F-48-69-D-b
sông Lục Nam	TV	xã Huyền Sơn	H. Lục Nam			21° 17' 20"	106° 24' 10"	21° 14' 57"	106° 23' 08"	F-48-69-B-d F-48-69-D-b
thôn Lương Khoai	DC	xã Huyền Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 20"	106° 24' 31"					F-48-69-B-d
thôn Nghè	DC	xã Huyền Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 35"	106° 24' 54"					F-48-69-B-d
thôn Vàng	DC	xã Huyền Sơn	H. Lục Nam	21° 16' 41"	106° 24' 04"					F-48-69-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bến 2	DC	xã Khám Lạng	H. Lục Nam							F-48-69-B-d
thôn Bến 3	DC	xã Khám Lạng	H. Lục Nam							F-48-69-B-d
thôn Bến 4	DC	xã Khám Lạng	H. Lục Nam							F-48-69-B-d
sông Cầu Lồ	TV	xã Khám Lạng	H. Lục Nam			21° 17' 05"	106° 21' 52"	21° 16' 43"	106° 21' 59"	F-48-69-B-c
thôn Chùa	DC	xã Khám Lạng	H. Lục Nam	21° 16' 32"	106° 22' 17"					F-48-69-B-c
thôn Đình	DC	xã Khám Lạng	H. Lục Nam	21° 16' 34"	106° 22' 28"					F-48-69-B-c
thôn Giếng	DC	xã Khám Lạng	H. Lục Nam	21° 16' 26"	106° 22' 48"					F-48-69-B-d
thôn Hạ	DC	xã Khám Lạng	H. Lục Nam	21° 15' 34"	106° 23' 05"					F-48-69-B-d
thôn Là	DC	xã Khám Lạng	H. Lục Nam	21° 15' 52"	106° 22' 51"					F-48-69-B-d
sông Lục Nam	TV	xã Khám Lạng	H. Lục Nam			21° 16' 40"	106° 23' 58"	21° 14' 57"	106° 23' 08"	F-48-69-B-d F-48-69-D-b
thôn Lưu	DC	xã Khám Lạng	H. Lục Nam	21° 16' 07"	106° 23' 13"					F-48-69-B-d
thôn Nồi	DC	xã Khám Lạng	H. Lục Nam	21° 16' 15"	106° 23' 52"					F-48-69-B-d
thôn Vàng	DC	xã Khám Lạng	H. Lục Nam	21° 16' 14"	106° 23' 04"					F-48-69-B-d
thôn Chính Hạ	DC	xã Lan Mẫu	H. Lục Nam	21° 17' 05"	106° 19' 42"					F-48-69-B-c
sông Cổ Mân	TV	xã Lan Mẫu	H. Lục Nam			21° 15' 59"	106° 17' 59"	21° 14' 53"	106° 18' 50"	F-48-69-B-c F-48-69-D-a
thôn Lan Hoa	DC	xã Lan Mẫu	H. Lục Nam	21° 15' 46"	106° 18' 35"					F-48-69-B-c
thôn Lan Muối	DC	xã Lan Mẫu	H. Lục Nam	21° 16' 26"	106° 19' 17"					F-48-69-B-c
suối Ao Cả	TV	xã Lục Sơn	H. Lục Nam			21° 12' 25"	106° 33' 54"	21° 12' 45"	106° 34' 17"	F-48-70-C-a
núi Ao Đằm	SV	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 09"	106° 34' 45"					F-48-70-C-a
thôn Chồi 1	DC	xã Lục Sơn	H. Lục Nam							
thôn Chồi 2	DC	xã Lục Sơn	H. Lục Nam							
núi Dông Mười	SV	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 38"	106° 40' 01"					F-48-70-C-b
suối Đá Ngang	TV	xã Lục Sơn	H. Lục Nam			21° 12' 07"	106° 35' 48"	21° 13' 00"	106° 34' 53"	F-48-70-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đám Trì	DC	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 13' 16"	106° 35' 45"					F-48-70-C-a
thôn Đèo Quạt	DC	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 46"	106° 37' 14"					F-48-70-C-a
đèo Đinh Công Khường	SV	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 10' 48"	106° 38' 41"					F-48-70-C-b
dốc Đình Hẩy	SV	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 11' 37"	106° 33' 36"					F-48-70-C-a
thôn Đồng Vành 1	DC	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 13' 17"	106° 36' 18"					F-48-70-C-a
thôn Đồng Vành 2	DC	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 12' 56"	106° 36' 47"					F-48-70-C-a
thôn Gốc Dẻ	DC	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 13' 25"	106° 35' 57"					F-48-70-C-a
suối Hồ Lao	TV	xã Lục Sơn	H. Lục Nam			21° 12' 37"	106° 37' 28"	21° 14' 35"	106° 36' 28"	F-48-70-C-a
thôn Hồ Lao 3	DC	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 20"	106° 36' 33"					F-48-70-C-a
thôn Hồ Lao 4	DC	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 09"	106° 36' 45"					F-48-70-C-a
núi Hồ Tiên	SV	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 10' 28"	106° 37' 59"					F-48-70-C-b
thôn Hồng	DC	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 08"	106° 38' 46"					F-48-70-C-b
núi Khe Muỗm	SV	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 21"	106° 41' 02"					F-48-70-C-b
thôn Khe Nghè	DC	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 47"	106° 38' 35"					F-48-70-C-b
núi Khe Quang	SV	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 13' 26"	106° 37' 37"					F-48-70-C-b
núi Mản	SV	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 44"	106° 39' 28"					F-48-70-A-d
núi Năm Hoàng	SV	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 22"	106° 35' 53"					F-48-70-C-a
suối Nước Vàng	TV	xã Lục Sơn	H. Lục Nam			21° 11' 48"	106° 37' 02"	21° 12' 33"	106° 37' 01"	F-48-70-C-a
sông Rông Trận	TV	xã Lục Sơn	H. Lục Nam			21° 12' 29"	106° 38' 43"	21° 12' 37"	106° 37' 28"	F-48-70-C-b F-48-70-C-a
thôn Rừng Long	DC	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 24"	106° 36' 35"					F-48-70-C-a
đèo Sen	SV	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 22"	106° 41' 09"					F-48-70-A-d
thôn Thọ Sơn	DC	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 13' 48"	106° 35' 58"					F-48-70-C-a
thôn Trại Cao	DC	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 26"	106° 38' 36"					F-48-70-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Văn Non	DC	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 13' 06"	106° 34' 59"					F-48-70-C-a
thôn Vĩnh Tân	DC	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 32"	106° 37' 58"					F-48-70-C-b
dãy núi Yên Tử	SV	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 10' 51"	106° 36' 08"					F-48-70-A-d
núi Yên Tử	SV	xã Lục Sơn	H. Lục Nam	21° 10' 53"	106° 38' 25"					F-48-70-C-b
đường tỉnh 293	KX	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam			21° 17' 18"	106° 26' 18"	21° 17' 05"	106° 30' 23"	F-48-69-B-d F-48-70-A-c
thôn Ba Gò	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 16' 32"	106° 28' 25"					F-48-69-B-d
suối Bắc Máng	TV	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam			21° 16' 41"	106° 30' 30"	21° 16' 48"	106° 30' 23"	F-48-70-A-c
xóm Bãi Ô	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 16' 20"	106° 26' 28"					F-48-69-B-d
xóm Bũng	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 17' 13"	106° 29' 39"					F-48-69-B-d
thôn Cầu Gạo	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 17' 22"	106° 27' 37"					F-48-69-B-d
thôn Cổng Xanh	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 16' 56"	106° 29' 47"					F-48-69-B-d
thôn Dùm	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 16' 38"	106° 29' 40"					F-48-69-B-d
xóm Đồi Bông	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 17' 18"	106° 26' 31"					F-48-69-B-d
thôn Đồng Man	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 16' 13"	106° 27' 57"					F-48-69-B-d
thôn Hố Nước	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 17' 45"	106° 27' 31"					F-48-69-B-d
thôn Hố Sâu	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 17' 56"	106° 27' 50"					F-48-69-B-d
núi Hòn Đụn	SV	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 16' 31"	106° 30' 23"					F-48-70-A-c
núi Hòn Trò	SV	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 16' 56"	106° 30' 00"					F-48-70-A-c
thôn Kỳ Sơn	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 17' 39"	106° 26' 56"					F-48-69-B-d
sông Lục Nam	TV	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam			21° 18' 60"	106° 28' 11"	21° 18' 20"	106° 26' 53"	F-48-69-B-d
thôn Mã Tẩy	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 16' 25"	106° 29' 16"					F-48-69-B-d
thôn Mương Làng	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 15' 46"	106° 26' 15"					F-48-69-B-d
thôn Ngạc Nâu	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 18' 47"	106° 27' 25"					F-48-69-B-d
thôn Nghĩa An	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 16' 36"	106° 26' 53"					F-48-69-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ninh Hải	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 17' 53"	106° 27' 18"					F-48-69-B-d
thôn Phượng Hoàng	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 17' 08"	106° 26' 28"					F-48-69-B-d
xóm Quán Sim	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 16' 15"	106° 26' 40"					F-48-69-B-d
thôn Quỷnh Cả	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 16' 30"	106° 27' 11"					F-48-69-B-d
đền Suối Mỡ	KX	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 16' 35"	106° 28' 60"					F-48-69-B-d
thôn Suối Ván	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 15' 51"	106° 25' 58"					F-48-69-B-d
núi Tai Voi	SV	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 17' 06"	106° 28' 57"					F-48-69-B-d
thôn Tân Hương	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 16' 50"	106° 27' 44"					F-48-69-B-d
thôn Tè	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 17' 21"	106° 26' 55"					F-48-69-B-d
thôn Tó	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 16' 07"	106° 26' 20"					F-48-69-B-d
thôn Trí Yên	DC	xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	21° 17' 07"	106° 27' 06"					F-48-69-B-d
quốc lộ 31	KX	xã Phương Sơn	H. Lục Nam			21° 17' 49"	106° 19' 07"	21° 17' 54"	106° 20' 15"	F-48-69-B-c
thôn Kẻn	DC	xã Phương Sơn	H. Lục Nam	21° 18' 26"	106° 19' 11"					F-48-69-B-c
thôn Phương Lạn 1	DC	xã Phương Sơn	H. Lục Nam	21° 18' 12"	106° 19' 39"					F-48-69-B-c
phố Sàn	DC	xã Phương Sơn	H. Lục Nam	21° 17' 41"	106° 19' 45"					F-48-69-B-c
chợ Sàn	KX	xã Phương Sơn	H. Lục Nam	21° 17' 55"	106° 19' 48"					F-48-69-B-c
thôn Bắc Bình	DC	xã Tam Dị	H. Lục Nam	21° 21' 39"	106° 23' 18"					F-48-69-B-d
xóm Bãi Đỗ	DC	xã Tam Dị	H. Lục Nam	21° 21' 45"	106° 22' 07"					F-48-69-B-c
thôn Bãi Lời	DC	xã Tam Dị	H. Lục Nam	21° 21' 59"	106° 23' 44"					F-48-69-B-d
xóm Con Voi	DC	xã Tam Dị	H. Lục Nam	21° 20' 05"	106° 24' 23"					F-48-69-B-d
thôn Hà Phú 12	DC	xã Tam Dị	H. Lục Nam	21° 19' 32"	106° 23' 20"					F-48-69-B-d
thôn Hố Giẻ	DC	xã Tam Dị	H. Lục Nam	21° 20' 17"	106° 24' 38"					F-48-69-B-d
thôn Hòn Ngọc	DC	xã Tam Dị	H. Lục Nam	21° 21' 31"	106° 22' 10"					F-48-69-B-c
xóm Núi Một	DC	xã Tam Dị	H. Lục Nam	21° 20' 32"	106° 24' 33"					F-48-69-B-d
thôn Phú Yên 1	DC	xã Tam Dị	H. Lục Nam	21° 21' 16"	106° 22' 55"					F-48-69-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Mùi	DC	xã Tam Dị	H. Lục Nam	21° 20' 54"	106° 23' 47"					F-48-69-B-d
thôn Thanh Giã 1	DC	xã Tam Dị	H. Lục Nam	21° 20' 38"	106° 23' 08"					F-48-69-B-d
xóm Trại Chè	DC	xã Tam Dị	H. Lục Nam	21° 21' 58"	106° 21' 45"					F-48-69-B-c
thôn Trại Đáng	DC	xã Tam Dị	H. Lục Nam	21° 20' 23"	106° 24' 07"					F-48-69-B-d
thôn Trại Quản	DC	xã Tam Dị	H. Lục Nam	21° 21' 10"	106° 23' 15"					F-48-69-B-d
thôn Trại Trầm	DC	xã Tam Dị	H. Lục Nam	21° 22' 22"	106° 22' 46"					F-48-69-B-d
quốc lộ 37	KX	xã Thanh Lâm	H. Lục Nam			21° 19' 21"	106° 20' 54"	21° 20' 59"	106° 19' 35"	F-48-69-B-c
thôn Buộm	DC	xã Thanh Lâm	H. Lục Nam	21° 20' 52"	106° 19' 39"					F-48-69-B-c
thôn Dĩnh Bạn	DC	xã Thanh Lâm	H. Lục Nam	21° 19' 32"	106° 18' 13"					F-48-69-B-c
thôn Gàng	DC	xã Thanh Lâm	H. Lục Nam	21° 20' 10"	106° 19' 35"					F-48-69-B-c
cầu Giàng	KX	xã Thanh Lâm	H. Lục Nam	21° 19' 42"	106° 20' 19"					F-48-69-B-c
thôn Hồ	DC	xã Thanh Lâm	H. Lục Nam	21° 20' 11"	106° 20' 09"					F-48-69-B-c
ngòi Sàn	TV	xã Thanh Lâm	H. Lục Nam			21° 19' 28"	106° 17' 21"	21° 18' 03"	106° 17' 51"	F-48-69-B-c
thôn Sơn Đình 1	DC	xã Thanh Lâm	H. Lục Nam	21° 19' 33"	106° 19' 41"					F-48-69-B-c
thôn Thượng Lâm	DC	xã Thanh Lâm	H. Lục Nam	21° 20' 20"	106° 19' 20"					F-48-69-B-c
quốc lộ 31	KX	xã Tiên Hưng	H. Lục Nam			21° 18' 56"	106° 23' 47"	21° 19' 17"	106° 24' 44"	F-48-69-B-d
quốc lộ 37	KX	xã Tiên Hưng	H. Lục Nam			21° 17' 04"	106° 23' 08"	21° 18' 02"	106° 23' 19"	F-48-69-B-d
thôn Cẩm Y	DC	xã Tiên Hưng	H. Lục Nam	21° 17' 28"	106° 24' 00"					F-48-69-B-d
thôn Chằm Cũ	DC	xã Tiên Hưng	H. Lục Nam	21° 17' 55"	106° 23' 27"					F-48-69-B-d
thôn Già Khê Làng	DC	xã Tiên Hưng	H. Lục Nam	21° 18' 59"	106° 24' 06"					F-48-69-B-d
sông Lục Nam	TV	xã Tiên Hưng	H. Lục Nam			21° 19' 01"	106° 24' 26"	21° 16' 40"	106° 23' 58"	F-48-69-B-d
thôn Mười Chín	DC	xã Tiên Hưng	H. Lục Nam	21° 17' 13"	106° 23' 33"					F-48-69-B-d
thôn Nhiêu Hà	DC	xã Tiên Hưng	H. Lục Nam	21° 18' 01"	106° 24' 07"					F-48-69-B-d
thôn Nhiêu Thị	DC	xã Tiên Hưng	H. Lục Nam	21° 18' 15"	106° 23' 52"					F-48-69-B-d
suối Âu	TV	xã Tiên Nha	H. Lục Nam			21° 20' 32"	106° 25' 60"	21° 16' 40"	106° 23' 58"	F-48-69-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cẩm Lang	DC	xã Tiên Nha	H. Lục Nam	21° 18' 57"	106° 26' 22"					F-48-69-B-d
thôn Đồng Bộp	DC	xã Tiên Nha	H. Lục Nam	21° 19' 12"	106° 25' 58"					F-48-69-B-d
núi Đồng Bộp	SV	xã Tiên Nha	H. Lục Nam	21° 19' 29"	106° 25' 56"					F-48-69-B-d
thôn Đồng Dinh	DC	xã Tiên Nha	H. Lục Nam	21° 19' 57"	106° 25' 48"					F-48-69-B-d
xóm Khê	DC	xã Tiên Nha	H. Lục Nam	21° 18' 58"	106° 24' 55"					F-48-69-B-d
sông Lục Nam	TV	xã Tiên Nha	H. Lục Nam			21° 18' 28"	106° 27' 02"	21° 19' 01"	106° 24' 26"	F-48-69-B-d
thôn Nghè 1	DC	xã Tiên Nha	H. Lục Nam							
thôn Nghè 2	DC	xã Tiên Nha	H. Lục Nam							
thôn Nghè 3	DC	xã Tiên Nha	H. Lục Nam							
thành Nhà Mạc	KX	xã Tiên Nha	H. Lục Nam			21° 20' 31"	106° 25' 55"	21° 20' 04"	106° 25' 52"	F-48-69-B-d
núi Voi	SV	xã Tiên Nha	H. Lục Nam	21° 19' 36"	106° 24' 53"					F-48-69-B-d
thôn An Phúc	DC	xã Trường Giang	H. Lục Nam	21° 19' 00"	106° 30' 04"					F-48-70-A-c
thôn Đồng Chè	DC	xã Trường Giang	H. Lục Nam	21° 17' 59"	106° 30' 16"					F-48-70-A-c
núi Đồng Chè	SV	xã Trường Giang	H. Lục Nam	21° 17' 47"	106° 30' 17"					F-48-70-A-c
ngòi Gừng	TV	xã Trường Giang	H. Lục Nam			21° 17' 38"	106° 30' 45"	21° 18' 24"	106° 30' 32"	F-48-70-A-c
sông Lục Nam	TV	xã Trường Giang	H. Lục Nam			21° 19' 25"	106° 29' 57"	21° 18' 60"	106° 28' 11"	F-48-69-B-d
rừng Tòng Lệnh	KX	xã Trường Giang	H. Lục Nam	21° 18' 06"	106° 29' 05"					F-48-69-B-d
thôn Tổng Lệnh 1	DC	xã Trường Giang	H. Lục Nam	21° 19' 38"	106° 28' 43"					F-48-69-B-d
đường tỉnh 293	KX	xã Trường Sơn	H. Lục Nam			21° 16' 40"	106° 33' 43"	21° 14' 40"	106° 35' 12"	F-48-70-A-c F-48-70-C-a
thôn Cầu Gỗ	DC	xã Trường Sơn	H. Lục Nam	21° 16' 35"	106° 33' 51"					F-48-70-A-c
thôn Chằm	DC	xã Trường Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 54"	106° 34' 27"					F-48-70-C-a
thôn Chẽ	DC	xã Trường Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 15"	106° 34' 25"					F-48-70-C-a
thôn Điếm Rén	DC	xã Trường Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 29"	106° 34' 04"					F-48-70-C-a
suối Dông Dài	TV	xã Trường Sơn	H. Lục Nam			21° 13' 34"	106° 32' 22"	21° 13' 18"	106° 32' 11"	F-48-70-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đồng Đầm	DC	xã Trường Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 20"	106° 34' 17"					F-48-70-A-c
núi Hòn Đũa	SV	xã Trường Sơn	H. Lục Nam	21° 11' 43"	106° 32' 38"					F-48-70-C-a
núi Khe Di	SV	xã Trường Sơn	H. Lục Nam	21° 13' 28"	106° 32' 41"					F-48-70-C-a
thôn Khuân Liêng	DC	xã Trường Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 29"	106° 33' 41"					F-48-70-A-c
thôn Lầm	DC	xã Trường Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 56"	106° 33' 56"					F-48-70-C-a
núi Mốc	SV	xã Trường Sơn	H. Lục Nam	21° 12' 56"	106° 33' 34"					F-48-70-C-a
thôn Nhân Lý	DC	xã Trường Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 31"	106° 35' 02"					F-48-70-C-a
thôn Tân Thành	DC	xã Trường Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 43"	106° 34' 16"					F-48-70-A-c
thôn Trại Ổi	DC	xã Trường Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 53"	106° 33' 48"					F-48-70-A-c
thôn Vua Bà	DC	xã Trường Sơn	H. Lục Nam	21° 13' 13"	106° 32' 30"					F-48-70-C-a
đường tỉnh 293	KX	xã Vô Tranh	H. Lục Nam			21° 17' 05"	106° 30' 23"	21° 16' 40"	106° 33' 43"	F-48-70-A-c
thôn Ao Sen	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 16' 05"	106° 31' 39"					F-48-70-A-c
đập Ao Sen	KX	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 16' 02"	106° 31' 24"					F-48-70-A-c
thôn Ao Vè	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 17' 04"	106° 32' 58"					F-48-70-A-c
núi Bà Quà	SV	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 17' 21"	106° 32' 47"					F-48-70-A-c
thôn Bắc Máng	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 16' 24"	106° 30' 34"					F-48-70-A-c
suối Bắc Máng	TV	xã Vô Tranh	H. Lục Nam			21° 16' 01"	106° 30' 09"	21° 16' 41"	106° 30' 30"	F-48-70-A-c
đập Bãi Lác	KX	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 17' 02"	106° 30' 57"					F-48-70-A-c
núi Bắp Cày	SV	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 17' 03"	106° 31' 36"					F-48-70-A-c
xóm Bến Bò	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 18' 29"	106° 32' 12"					F-48-70-A-c
xóm Cầu Giấy	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 17' 03"	106° 33' 51"					F-48-70-A-c
núi Cột Cờ	SV	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 15' 25"	106° 30' 48"					F-48-70-A-c
suối Dọc Bắc	TV	xã Vô Tranh	H. Lục Nam			21° 14' 27"	106° 30' 53"	21° 14' 45"	106° 32' 09"	F-48-70-C-a
sông Dọc Dài	TV	xã Vô Tranh	H. Lục Nam			21° 13' 34"	106° 32' 11"	21° 14' 45"	106° 32' 09"	F-48-70-C-a
xóm Đa Cả	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 16' 27"	106° 31' 42"					F-48-70-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đập Đa Cả	KX	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 16' 26"	106° 31' 52"					F-48-70-A-c
thôn Đình Gàng	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 17' 42"	106° 32' 19"					F-48-70-A-c
xóm Đồng Lều	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 16' 11"	106° 33' 04"					F-48-70-A-c
thôn Đồng Mạ	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 17' 32"	106° 30' 59"					F-48-70-A-c
thôn Đồng Mận	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 16' 31"	106° 33' 08"					F-48-70-A-c
thôn Đồng Quần	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 15' 46"	106° 32' 15"					F-48-70-A-c
xóm Đông Sơn	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 15' 11"	106° 32' 24"					F-48-70-A-c
ngòi Gừng	TV	xã Vô Tranh	H. Lục Nam			21° 17' 09"	106° 30' 29"	21° 18' 12"	106° 30' 34"	F-48-70-A-c
xóm Hố Bông	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 17' 26"	106° 31' 10"					F-48-70-A-c
xóm Hoàn Hồ	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 14' 39"	106° 31' 43"					F-48-70-C-a
núi Hoàn Hồ	SV	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 13' 27"	106° 31' 38"					F-48-70-C-a
sông Hoàn Hồ	TV	xã Vô Tranh	H. Lục Nam			21° 14' 45"	106° 32' 09"	21° 17' 17"	106° 33' 32"	F-48-70-C-a F-48-70-A-c
núi Hòn Đụn	SV	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 16' 31"	106° 30' 23"					F-48-70-A-c
núi Hòn Lầm	SV	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 16' 44"	106° 30' 47"					F-48-70-A-c
núi Hòn Len	SV	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 15' 20"	106° 31' 41"					F-48-70-A-c
núi Hòn Mục	SV	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 15' 44"	106° 32' 60"					F-48-70-A-c
sông Lục Nam	TV	xã Vô Tranh	H. Lục Nam			21° 17' 29"	106° 34' 19"	21° 18' 29"	106° 32' 02"	F-48-70-A-c
thôn Mỏ Sẻ	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 17' 44"	106° 31' 23"					F-48-70-A-c
xóm Ngã Hai	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 17' 18"	106° 30' 26"					F-48-70-A-c
xóm Quảng Hái - Bến Bò	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 18' 08"	106° 32' 22"					F-48-70-A-c
bản Quảng Hái Hồ	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 14' 17"	106° 31' 52"					F-48-70-C-a
thôn Ry	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 16' 22"	106° 32' 20"					F-48-70-A-c
núi Tam Loan	SV	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 16' 10"	106° 32' 11"					F-48-70-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trại Găng	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 16' 07"	106° 31' 01"					F-48-70-A-c
thôn Trại Lán	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 15' 33"	106° 32' 37"					F-48-70-A-c
thôn Tranh	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 16' 59"	106° 32' 28"					F-48-70-A-c
đèo Trê	SV	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 13' 35"	106° 30' 02"					F-48-70-C-a
xóm Vân Sơn	DC	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 16' 14"	106° 31' 23"					F-48-70-A-c
núi Vây Rồng	SV	xã Vô Tranh	H. Lục Nam	21° 17' 17"	106° 32' 10"					F-48-70-A-c
đường tỉnh 17	KX	xã Vũ Xá	H. Lục Nam			21° 12' 30"	106° 20' 16"	21° 14' 16"	106° 22' 07"	F-48-69-D-a
quốc lộ 37	KX	xã Vũ Xá	H. Lục Nam			21° 13' 42"	106° 21' 49"	21° 14' 16"	106° 21' 20"	F-48-69-D-a
thôn Dăm	DC	xã Vũ Xá	H. Lục Nam	21° 13' 41"	106° 21' 25"					F-48-69-D-a
thôn Đồng Công 5	DC	xã Vũ Xá	H. Lục Nam							
thôn Đồng Công 6	DC	xã Vũ Xá	H. Lục Nam							
núi Hòn Chấu	SV	xã Vũ Xá	H. Lục Nam	21° 13' 28"	106° 21' 23"					F-48-69-D-a
sông Lục Nam	TV	xã Vũ Xá	H. Lục Nam			21° 14' 18"	106° 22' 04"	21° 12' 32"	106° 19' 38"	F-48-69-D-a
cầu Lục Nam	KX	xã Vũ Xá	H. Lục Nam	21° 14' 16"	106° 21' 20"					F-48-69-D-a
thôn Trại Cá	DC	xã Vũ Xá	H. Lục Nam	21° 13' 21"	106° 20' 51"					F-48-69-D-a
thôn Vũ Trù Đồn	DC	xã Vũ Xá	H. Lục Nam							
thôn Vũ Trù Làng	DC	xã Vũ Xá	H. Lục Nam							
núi Ao Dọi	SV	xã Yên Sơn	H. Lục Nam	21° 17' 20"	106° 21' 11"					F-48-69-B-c
sông Cầu Lồ	TV	xã Yên Sơn	H. Lục Nam			21° 17' 05"	106° 21' 52"	21° 15' 48"	106° 21' 17"	F-48-69-B-c
thôn Chản Đồng	DC	xã Yên Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 11"	106° 20' 27"					F-48-69-D-a
thôn Chản Làng	DC	xã Yên Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 48"	106° 20' 23"					F-48-69-D-a
thôn Cổ Mân	DC	xã Yên Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 12"	106° 19' 04"					F-48-69-D-a
sông Cổ Mân	TV	xã Yên Sơn	H. Lục Nam			21° 14' 53"	106° 18' 50"	21° 13' 59"	106° 19' 32"	F-48-69-D-a
sông Lục Nam	TV	xã Yên Sơn	H. Lục Nam			21° 14' 16"	106° 21' 19"	21° 13' 59"	106° 19' 32"	F-48-69-D-a
thôn Mai Thưởng	DC	xã Yên Sơn	H. Lục Nam	21° 16' 46"	106° 20' 33"					F-48-69-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Mười Bẩy	DC	xã Yên Sơn	H. Lục Nam	21° 17' 04"	106° 20' 58"					F-48-69-B-c
thôn Mười Một	DC	xã Yên Sơn	H. Lục Nam	21° 14' 53"	106° 19' 18"					F-48-69-D-a
thôn Mười Năm	DC	xã Yên Sơn	H. Lục Nam	21° 16' 35"	106° 21' 24"					F-48-69-B-c
thôn Mười Sáu	DC	xã Yên Sơn	H. Lục Nam	21° 16' 30"	106° 21' 09"					F-48-69-B-c
thôn Nội Chùa	DC	xã Yên Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 43"	106° 20' 11"					F-48-69-B-c
thôn Tiên Kiều	DC	xã Yên Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 49"	106° 20' 56"					F-48-69-B-c
thôn Trại Hai	DC	xã Yên Sơn	H. Lục Nam	21° 16' 29"	106° 19' 52"					F-48-69-B-c
thôn Yên Thịnh	DC	xã Yên Sơn	H. Lục Nam	21° 15' 41"	106° 19' 27"					F-48-69-B-c
làng Chũ	DC	TT. Chũ	H. Lục Ngạn	21° 22' 15"	106° 34' 02"					F-48-70-A-c
cầu Chũ	KX	TT. Chũ	H. Lục Ngạn	21° 22' 01"	106° 33' 49"					F-48-70-A-c
khu Hà Thị	DC	TT. Chũ	H. Lục Ngạn	21° 22' 10"	106° 33' 43"					F-48-70-A-c
sông Lục Nam	TV	TT. Chũ	H. Lục Ngạn			21° 22' 21"	106° 34' 18"	21° 22' 08"	106° 33' 56"	F-48-70-A-c
khu Minh Khai	DC	TT. Chũ	H. Lục Ngạn	21° 22' 38"	106° 34' 12"					F-48-70-A-a
khu Nhật Đức	DC	TT. Chũ	H. Lục Ngạn	21° 22' 00"	106° 34' 07"					F-48-70-A-c
khu Trần Phú	DC	TT. Chũ	H. Lục Ngạn	21° 22' 48"	106° 34' 02"					F-48-70-A-a
quốc lộ 31	KX	xã Biển Động	H. Lục Ngạn			21° 23' 12"	106° 46' 42"	21° 23' 01"	106° 46' 21"	F-48-70-A-b
thôn Ba Lều	DC	xã Biển Động	H. Lục Ngạn	21° 23' 47"	106° 46' 16"					F-48-70-B-a
thôn Biển Dưới	DC	xã Biển Động	H. Lục Ngạn	21° 23' 16"	106° 44' 54"					F-48-70-A-b
thôn Biển Giữa	DC	xã Biển Động	H. Lục Ngạn	21° 23' 34"	106° 45' 12"					F-48-70-B-a
thôn Biển Trên	DC	xã Biển Động	H. Lục Ngạn	21° 23' 52"	106° 45' 06"					F-48-70-B-a
sông Cẩm Đàn	TV	xã Biển Động	H. Lục Ngạn			21° 24' 36"	106° 44' 59"	21° 23' 25"	106° 43' 59"	F-48-70-B-a
xứ Đồng Bi	DC	xã Biển Động	H. Lục Ngạn	21° 23' 31"	106° 44' 19"					F-48-70-A-b
thôn Đồng Man	DC	xã Biển Động	H. Lục Ngạn	21° 23' 59"	106° 44' 03"					F-48-70-A-b
thôn Khuyên	DC	xã Biển Động	H. Lục Ngạn	21° 24' 33"	106° 46' 03"					F-48-70-B-a
thôn Quéo	DC	xã Biển Động	H. Lục Ngạn	21° 24' 18"	106° 46' 17"					F-48-70-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thảo	DC	xã Biển Động	H. Lục Ngạn	21° 24' 10"	106° 45' 27"					F-48-70-B-a
thôn Thùng Thình	DC	xã Biển Động	H. Lục Ngạn	21° 22' 35"	106° 44' 26"					F-48-70-A-b
đường tỉnh 290	KX	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn			21° 27' 34"	106° 39' 09"	21° 25' 52"	106° 36' 56"	F-48-70-A-a
thôn An Bình	DC	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn	21° 26' 01"	106° 36' 40"					F-48-70-A-a
trại Báu	DC	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn	21° 27' 27"	106° 37' 02"					F-48-70-A-a
thôn Cãi	DC	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn	21° 27' 06"	106° 37' 51"					F-48-70-A-b
thôn Dọc Song	DC	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn	21° 27' 03"	106° 36' 12"					F-48-70-A-a
làng Đình	DC	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn	21° 27' 21"	106° 38' 24"					F-48-70-A-b
thôn Hiệp Sơn	DC	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn	21° 26' 16"	106° 37' 01"					F-48-70-A-a
thôn Hồng Sơn	DC	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn	21° 26' 53"	106° 38' 15"					F-48-70-A-b
thôn Khuần Cầu	DC	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn	21° 26' 33"	106° 36' 07"					F-48-70-A-a
thôn Khuyên	DC	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn	21° 26' 37"	106° 36' 22"					F-48-70-A-a
thôn Luồng	DC	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn	21° 26' 28"	106° 37' 19"					F-48-70-A-a
thôn Na Đằm	DC	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn	21° 26' 57"	106° 36' 56"					F-48-70-A-a
thôn Quán Cà	DC	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn	21° 27' 31"	106° 39' 01"					F-48-70-A-b
thôn Trại Lửa	DC	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn	21° 26' 14"	106° 36' 29"					F-48-70-A-a
thôn Trại Mới	DC	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn	21° 26' 51"	106° 37' 14"					F-48-70-A-a
thôn Tuấn Sơn	DC	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn	21° 26' 37"	106° 37' 33"					F-48-70-A-b
thôn Xé Ngoài	DC	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn							
thôn Xé Trong	DC	xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn							
thôn Ao Vường	DC	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 34' 08"	106° 33' 45"					F-48-58-C-c
thôn Bả	DC	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 34' 40"	106° 33' 42"					F-48-58-C-c
xóm Bãi Lốc	DC	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 35' 35"	106° 34' 59"					F-48-58-C-c
xóm Bãi Nhem	DC	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 34' 54"	106° 34' 42"					F-48-58-C-c
xóm Bãi Tại	DC	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 34' 36"	106° 33' 54"					F-48-58-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bến	DC	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 35' 28"	106° 35' 40"					F-48-58-C-c
làng Bùng	DC	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 33' 49"	106° 34' 19"					F-48-58-C-c
thôn Cấm	DC	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 34' 30"	106° 34' 54"					F-48-58-C-c
cầu Cấm Sơn	KX	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 35' 14"	106° 35' 58"					F-48-58-C-c
thôn Chằm Khon	DC	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 35' 01"	106° 35' 23"					F-48-58-C-c
rừng Gãm	KX	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 33' 50"	106° 35' 01"					F-48-58-C-c
xóm Hố Rào	DC	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 33' 59"	106° 32' 55"					F-48-58-C-c
thôn Họa	DC	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 35' 21"	106° 34' 39"					F-48-58-C-c
xóm Khuôn Then	DC	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 35' 09"	106° 35' 58"					F-48-58-C-c
núi Mạy Thàng	SV	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 33' 50"	106° 31' 57"					F-48-58-C-c
xóm Nà Còi	DC	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 34' 11"	106° 33' 27"					F-48-58-C-c
xóm Phố	DC	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 35' 55"	106° 35' 18"					F-48-58-C-c
xóm Tăng Tê	DC	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 33' 52"	106° 33' 31"					F-48-58-C-c
xóm Thi Khuân	DC	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 33' 38"	106° 33' 05"					F-48-58-C-c
núi Tung Hinh	SV	xã Cấm Sơn	H. Lục Ngạn	21° 35' 00"	106° 33' 01"					F-48-58-C-c
núi Ao Ếch	SV	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn	21° 18' 33"	106° 40' 42"					F-48-70-A-d
núi Bô Lô	SV	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn	21° 17' 17"	106° 43' 59"					F-48-70-A-d
thôn Cống Luộc	DC	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn	21° 19' 19"	106° 43' 52"					F-48-70-A-d
suối Cửa Mục	TV	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn			21° 18' 59"	106° 40' 45"	21° 19' 51"	106° 41' 21"	F-48-70-A-d
thôn Đèo Gia	DC	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn	21° 18' 59"	106° 43' 18"					F-48-70-A-d
núi Đèo Gia	SV	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn	21° 18' 26"	106° 43' 17"					F-48-70-A-d
thôn Đồng Bụt	DC	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn	21° 19' 27"	106° 42' 29"					F-48-70-A-d
suối Khe Kim	TV	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn			21° 18' 31"	106° 43' 56"	21° 18' 51"	106° 44' 21"	F-48-70-A-d
rừng Khe Lá	KX	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn	21° 17' 14"	106° 42' 14"					F-48-70-A-d
núi Khe Sàng	SV	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn	21° 18' 22"	106° 42' 15"					F-48-70-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khe Sàng	TV	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn			21° 17' 31"	106° 42' 06"	21° 19' 21"	106° 43' 14"	F-48-70-A-d
sông Lục Ngạn	TV	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn			21° 19' 52"	106° 41' 22"	21° 18' 20"	106° 45' 37"	F-48-70-A-d
thôn Ruồng	DC	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn	21° 19' 21"	106° 40' 31"					F-48-70-A-d
núi Tạp Quân	SV	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn	21° 17' 33"	106° 44' 22"					F-48-70-A-d
thôn Thung	DC	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn	21° 19' 18"	106° 41' 01"					F-48-70-A-d
suối Thung	TV	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn			21° 18' 44"	106° 41' 08"	21° 19' 30"	106° 41' 42"	F-48-70-A-d
thôn Xạ Nhỏ	DC	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn	21° 19' 43"	106° 41' 43"					F-48-70-A-d
thôn Xạ To	DC	xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn	21° 19' 24"	106° 41' 40"					F-48-70-A-d
thôn Ao Mít	DC	xã Đồng Cốc	H. Lục Ngạn	21° 21' 59"	106° 41' 03"					F-48-70-A-d
thôn Ao Tán	DC	xã Đồng Cốc	H. Lục Ngạn	21° 21' 55"	106° 40' 33"					F-48-70-A-d
suối Cả	TV	xã Đồng Cốc	H. Lục Ngạn			21° 23' 14"	106° 42' 02"	21° 23' 00"	106° 40' 23"	F-48-70-A-b
thôn Du	DC	xã Đồng Cốc	H. Lục Ngạn	21° 21' 26"	106° 42' 21"					F-48-70-A-d
hồ Đồng Cốc	TV	xã Đồng Cốc	H. Lục Ngạn	21° 21' 54"	106° 41' 46"					F-48-70-A-d
thôn Phong Cốc	DC	xã Đồng Cốc	H. Lục Ngạn	21° 22' 18"	106° 41' 27"					F-48-70-A-d
thôn Phong Đào	DC	xã Đồng Cốc	H. Lục Ngạn	21° 22' 40"	106° 41' 15"					F-48-70-A-b
thôn Phúc Kiến	DC	xã Đồng Cốc	H. Lục Ngạn	21° 21' 05"	106° 40' 15"					F-48-70-A-d
thôn Quê Mới	DC	xã Đồng Cốc	H. Lục Ngạn	21° 22' 14"	106° 40' 59"					F-48-70-A-d
thôn Thủm	DC	xã Đồng Cốc	H. Lục Ngạn	21° 22' 35"	106° 40' 46"					F-48-70-A-b
thôn Thượng A	DC	xã Đồng Cốc	H. Lục Ngạn	21° 22' 52"	106° 41' 11"					F-48-70-A-b
thôn Thượng B	DC	xã Đồng Cốc	H. Lục Ngạn	21° 23' 02"	106° 41' 52"					F-48-70-A-b
thôn Tư Thâm	DC	xã Đồng Cốc	H. Lục Ngạn	21° 22' 19"	106° 41' 47"					F-48-70-A-d
quốc lộ 31	KX	xã Giáp Sơn	H. Lục Ngạn			21° 23' 38"	106° 37' 37"	21° 23' 19"	106° 39' 26"	F-48-70-A-b
thôn Chão Cũ	DC	xã Giáp Sơn	H. Lục Ngạn	21° 24' 08"	106° 39' 13"					F-48-70-A-b
thôn Chão Mới	DC	xã Giáp Sơn	H. Lục Ngạn	21° 24' 09"	106° 38' 48"					F-48-70-A-b
thôn Dọc Mùng	DC	xã Giáp Sơn	H. Lục Ngạn	21° 24' 58"	106° 37' 51"					F-48-70-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hạ Long	DC	xã Giáp Sơn	H. Lục Ngạn	21° 23' 57"	106° 37' 54"					F-48-70-A-b
cầu Hạ Long	KX	xã Giáp Sơn	H. Lục Ngạn	21° 23' 38"	106° 37' 37"					F-48-70-A-b
thôn Lim	DC	xã Giáp Sơn	H. Lục Ngạn	21° 23' 37"	106° 38' 53"					F-48-70-A-b
thôn Núi Lều	DC	xã Giáp Sơn	H. Lục Ngạn	21° 23' 25"	106° 39' 11"					F-48-70-A-b
thôn Thái Hòa	DC	xã Giáp Sơn	H. Lục Ngạn	21° 24' 55"	106° 39' 06"					F-48-70-A-b
thôn Trại Bèo	DC	xã Giáp Sơn	H. Lục Ngạn	21° 24' 56"	106° 38' 16"					F-48-70-A-b
thôn Trại Mới	DC	xã Giáp Sơn	H. Lục Ngạn	21° 23' 50"	106° 38' 27"					F-48-70-A-b
thôn Trại Muối	DC	xã Giáp Sơn	H. Lục Ngạn	21° 24' 21"	106° 40' 20"					F-48-70-A-b
thôn Vành Dây	DC	xã Giáp Sơn	H. Lục Ngạn	21° 24' 10"	106° 38' 35"					F-48-70-A-b
thôn Cái Cặn	DC	xã Hộ Đáp	H. Lục Ngạn	21° 29' 25"	106° 38' 10"					F-48-70-A-b
thôn Đèo Trang	DC	xã Hộ Đáp	H. Lục Ngạn	21° 31' 01"	106° 36' 59"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Phai	DC	xã Hộ Đáp	H. Lục Ngạn	21° 32' 51"	106° 35' 45"					F-48-58-C-c
thôn Héo A	DC	xã Hộ Đáp	H. Lục Ngạn	21° 22' 13"	106° 36' 01"					F-48-58-C-c
thôn Héo B	DC	xã Hộ Đáp	H. Lục Ngạn	21° 31' 45"	106° 36' 34"					F-48-58-C-c
núi Khon Sẩy	SV	xã Hộ Đáp	H. Lục Ngạn	21° 31' 13"	106° 37' 56"					F-48-58-C-d
núi Khuôn Cặn	SV	xã Hộ Đáp	H. Lục Ngạn	21° 29' 33"	106° 37' 42"					F-48-70-A-b
thôn Khuôn Lang	DC	xã Hộ Đáp	H. Lục Ngạn	21° 31' 06"	106° 35' 49"					F-48-58-C-c
thôn Khuôn Nghiều	DC	xã Hộ Đáp	H. Lục Ngạn	21° 31' 31"	106° 37' 16"					F-48-58-C-c
thôn Khuôn Trắng	DC	xã Hộ Đáp	H. Lục Ngạn	21° 32' 15"	106° 36' 28"					F-48-58-C-c
núi Na Giai	SV	xã Hộ Đáp	H. Lục Ngạn	21° 32' 07"	106° 37' 10"					F-48-58-C-c
thôn Na Hem	DC	xã Hộ Đáp	H. Lục Ngạn	21° 30' 56"	106° 35' 20"					F-48-58-C-c
đèo Trang	SV	xã Hộ Đáp	H. Lục Ngạn	21° 31' 19"	106° 37' 07"					F-48-58-C-c
quốc lộ 31	KX	xã Hồng Giang	H. Lục Ngạn			21° 23' 10"	106° 35' 51"	21° 23' 38"	106° 37' 37"	F-48-70-A-a
đường tỉnh 290	KX	xã Hồng Giang	H. Lục Ngạn			21° 25' 52"	106° 36' 56"	21° 23' 28"	106° 36' 35"	F-48-70-A-a
thôn Ao Ca	DC	xã Hồng Giang	H. Lục Ngạn	21° 24' 04"	106° 35' 51"					F-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Chính	DC	xã Hồng Giang	H. Lục Ngạn	21° 24' 38"	106° 37' 00"					F-48-70-A-a
đập Đá Mài	TV	xã Hồng Giang	H. Lục Ngạn	21° 24' 25"	106° 37' 38"					F-48-70-A-b
thôn Hăng	DC	xã Hồng Giang	H. Lục Ngạn	21° 23' 14"	106° 37' 05"					F-48-70-A-a
thôn Hiệp Tân	DC	xã Hồng Giang	H. Lục Ngạn	21° 24' 13"	106° 36' 05"					F-48-70-A-a
thôn Kép 1	DC	xã Hồng Giang	H. Lục Ngạn	21° 23' 37"	106° 36' 05"					F-48-70-A-a
thôn Kép 2A	DC	xã Hồng Giang	H. Lục Ngạn							
thôn Kép 2B	DC	xã Hồng Giang	H. Lục Ngạn							
thôn Kép 3	DC	xã Hồng Giang	H. Lục Ngạn	21° 22' 52"	106° 36' 45"					F-48-70-A-a
thôn Lường	DC	xã Hồng Giang	H. Lục Ngạn	21° 24' 20"	106° 36' 40"					F-48-70-A-a
thôn Ngọt	DC	xã Hồng Giang	H. Lục Ngạn	21° 25' 21"	106° 36' 33"					F-48-70-A-a
thôn Nguộn Ngoài	DC	xã Hồng Giang	H. Lục Ngạn							
thôn Nguộn Trong	DC	xã Hồng Giang	H. Lục Ngạn							
thôn Thượng	DC	xã Hồng Giang	H. Lục Ngạn	21° 25' 45"	106° 36' 34"					F-48-70-A-a
thôn Trong	DC	xã Hồng Giang	H. Lục Ngạn	21° 24' 17"	106° 37' 02"					F-48-70-A-a
đường tỉnh 289	KX	xã Kiên Lao	H. Lục Ngạn			21° 26' 48"	106° 31' 39"	21° 25' 18"	106° 32' 10"	F-48-70-A-a
thôn An Keo	DC	xã Kiên Lao	H. Lục Ngạn	21° 25' 42"	106° 30' 56"					F-48-70-A-a
thôn An Toàn	DC	xã Kiên Lao	H. Lục Ngạn	21° 26' 20"	106° 32' 03"					F-48-70-A-a
thôn Cấm Vải	DC	xã Kiên Lao	H. Lục Ngạn	21° 25' 56"	106° 31' 34"					F-48-70-A-a
đèo Cóc	SV	xã Kiên Lao	H. Lục Ngạn	21° 26' 46"	106° 28' 10"					F-48-69-B-b
thôn Cống	DC	xã Kiên Lao	H. Lục Ngạn	21° 25' 32"	106° 31' 23"					F-48-70-A-a
thôn Giữa	DC	xã Kiên Lao	H. Lục Ngạn	21° 25' 56"	106° 30' 43"					F-48-70-A-a
thôn Hà	DC	xã Kiên Lao	H. Lục Ngạn	21° 26' 23"	106° 30' 54"					F-48-70-A-a
thôn Họ	DC	xã Kiên Lao	H. Lục Ngạn	21° 25' 35"	106° 30' 08"					F-48-70-A-a
thôn Hố Bông	DC	xã Kiên Lao	H. Lục Ngạn	21° 25' 33"	106° 28' 33"					F-48-69-B-b
thôn Khuôn Thần	DC	xã Kiên Lao	H. Lục Ngạn	21° 27' 57"	106° 30' 42"					F-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Khuôn Thần	TV	xã Kiên Lao	H. Lục Ngạn	21° 27' 17"	106° 31' 21"					F-48-70-A-a
thôn Nóng	DC	xã Kiên Lao	H. Lục Ngạn	21° 25' 42"	106° 29' 18"					F-48-69-B-b
thôn Bãi Bằng	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 24' 42"	106° 32' 35"					F-48-70-A-a
thôn Bản Hạ	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 24' 46"	106° 33' 36"					F-48-70-A-a
hồ Bồ Lày	TV	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 24' 49"	106° 32' 11"					F-48-70-A-a
thôn Cai Lé	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 28' 05"	106° 32' 51"					F-48-70-A-a
thôn Cẩm Hoàng Đông	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 25' 32"	106° 33' 05"					F-48-70-A-a
đèo Cạn	SV	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 26' 41"	106° 33' 44"					F-48-70-A-a
Cao Tiếm	SV	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 27' 18"	106° 32' 37"					F-48-70-A-a
thôn Cầu	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 26' 16"	106° 32' 42"					F-48-70-A-a
thôn Chùa	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 25' 49"	106° 32' 57"					F-48-70-A-a
thôn Đèo Cạn	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 27' 03"	106° 33' 39"					F-48-70-A-a
thôn Gai Đông	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 25' 40"	106° 33' 32"					F-48-70-A-a
thôn Khanh Mùng	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 26' 24"	106° 32' 38"					F-48-70-A-a
thôn Lam Sơn	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 25' 48"	106° 34' 00"					F-48-70-A-a
thôn Minh Sơn	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 24' 58"	106° 34' 06"					F-48-70-A-a
thôn Mùi Đông	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 25' 59"	106° 33' 56"					F-48-70-A-a
thôn Nguộn	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 26' 15"	106° 33' 05"					F-48-70-A-a
thôn Núi Năng	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 25' 50"	106° 32' 28"					F-48-70-A-a
thôn Nương	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 25' 06"	106° 32' 22"					F-48-70-A-a
thôn Phú Hà	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 26' 13"	106° 33' 26"					F-48-70-A-a
thôn Phượng Hoàng	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 25' 22"	106° 32' 49"					F-48-70-A-a
thôn Trại Giáp	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 25' 12"	106° 32' 59"					F-48-70-A-a
thôn Trại Mới	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 24' 53"	106° 33' 09"					F-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trung Phù	DC	xã Kiên Thành	H. Lục Ngạn	21° 24' 12"	106° 33' 29"					F-48-70-A-a
sông Cẩm Đàn	TV	xã Kim Sơn	H. Lục Ngạn			21° 25' 46"	106° 45' 03"	21° 24' 34"	106° 45' 17"	F-48-70-B-a
thôn Đồng Láy	DC	xã Kim Sơn	H. Lục Ngạn	21° 24' 43"	106° 45' 06"					F-48-70-B-a
xóm Đồng Mằn	DC	xã Kim Sơn	H. Lục Ngạn	21° 25' 27"	106° 45' 26"					F-48-70-B-a
xóm Mằn	DC	xã Kim Sơn	H. Lục Ngạn	21° 25' 33"	106° 45' 06"					F-48-70-B-a
xóm Nà Cảo	DC	xã Kim Sơn	H. Lục Ngạn	21° 25' 42"	106° 45' 50"					F-48-70-B-a
thôn Tân Lập	DC	xã Kim Sơn	H. Lục Ngạn	21° 25' 25"	106° 43' 30"					F-48-70-A-b
thôn An Phú	DC	xã Mỹ An	H. Lục Ngạn	21° 20' 24"	106° 29' 50"					F-48-69-B-d
thôn Đông Mai	DC	xã Mỹ An	H. Lục Ngạn	21° 19' 21"	106° 32' 08"					F-48-70-A-c
thôn Đồng Trắng	DC	xã Mỹ An	H. Lục Ngạn	21° 18' 44"	106° 31' 05"					F-48-70-A-c
thôn Hòa Mục	DC	xã Mỹ An	H. Lục Ngạn	21° 20' 48"	106° 31' 47"					F-48-70-A-c
sông Lục Nam	TV	xã Mỹ An	H. Lục Ngạn			21° 19' 25"	106° 29' 57"	21° 20' 40"	106° 32' 38"	F-48-70-A-c
thôn Ngọc Nương	DC	xã Mỹ An	H. Lục Ngạn	21° 19' 22"	106° 31' 24"					F-48-70-A-c
thôn Tân Mỹ	DC	xã Mỹ An	H. Lục Ngạn	21° 19' 02"	106° 30' 52"					F-48-70-A-c
thôn Trung Giang	DC	xã Mỹ An	H. Lục Ngạn	21° 18' 35"	106° 30' 34"					F-48-70-A-c
thôn Xuân An	DC	xã Mỹ An	H. Lục Ngạn	21° 19' 41"	106° 31' 00"					F-48-70-A-c
núi Bảng	SV	xã Nam Dương	H. Lục Ngạn	21° 20' 02"	106° 33' 51"					F-48-70-A-c
thôn Bến Huyện	DC	xã Nam Dương	H. Lục Ngạn	21° 20' 59"	106° 33' 02"					F-48-70-A-c
thôn Biềng	DC	xã Nam Dương	H. Lục Ngạn	21° 19' 11"	106° 34' 00"					F-48-70-A-c
thôn Cảnh	DC	xã Nam Dương	H. Lục Ngạn	21° 21' 53"	106° 33' 53"					F-48-70-A-c
thôn Cầu Meo	DC	xã Nam Dương	H. Lục Ngạn	21° 20' 38"	106° 33' 54"					F-48-70-A-c
thôn Lâm	DC	xã Nam Dương	H. Lục Ngạn	21° 21' 34"	106° 34' 45"					F-48-70-A-c
sông Lục Nam	TV	xã Nam Dương	H. Lục Ngạn			21° 20' 40"	106° 32' 38"	21° 21' 33"	106° 35' 57"	F-48-70-A-c
thôn Nam Điện	DC	xã Nam Dương	H. Lục Ngạn	21° 18' 42"	106° 34' 43"					F-48-70-A-c
thôn Thủ Dương	DC	xã Nam Dương	H. Lục Ngạn	21° 21' 43"	106° 33' 26"					F-48-70-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 31	KX	xã Nghĩa Hồ	H. Lục Ngạn			21° 22' 36"	106° 34' 24"	21° 23' 10"	106° 35' 51"	F-48-70-A-a
cầu Cát	KX	xã Nghĩa Hồ	H. Lục Ngạn	21° 22' 40"	106° 34' 36"					F-48-70-A-a
thôn Cầu Cát	DC	xã Nghĩa Hồ	H. Lục Ngạn	21° 22' 15"	106° 34' 48"					F-48-70-A-c
thôn Hồ Sen	DC	xã Nghĩa Hồ	H. Lục Ngạn	21° 23' 05"	106° 34' 11"					F-48-70-A-a
sông Lục Nam	TV	xã Nghĩa Hồ	H. Lục Ngạn			21° 21' 55"	106° 34' 19"	21° 22' 27"	106° 36' 39"	F-48-70-A-c
thôn Minh Lập	DC	xã Nghĩa Hồ	H. Lục Ngạn	21° 22' 57"	106° 34' 20"					F-48-70-A-a
thôn Mới	DC	xã Nghĩa Hồ	H. Lục Ngạn	21° 22' 42"	106° 34' 55"					F-48-70-A-a
thôn Nghĩa	DC	xã Nghĩa Hồ	H. Lục Ngạn	21° 22' 14"	106° 35' 54"					F-48-70-A-c
thôn Nhập Thành	DC	xã Nghĩa Hồ	H. Lục Ngạn	21° 22' 01"	106° 35' 00"					F-48-70-A-c
thôn Ổi	DC	xã Nghĩa Hồ	H. Lục Ngạn	21° 23' 09"	106° 35' 29"					F-48-70-A-a
quốc lộ 31	KX	xã Phì Điền	H. Lục Ngạn			21° 23' 14"	106° 40' 02"	21° 23' 08"	106° 41' 21"	F-48-70-A-b
núi Bục	SV	xã Phì Điền	H. Lục Ngạn	21° 23' 47"	106° 41' 17"					F-48-70-A-b
thôn Cầu Chét	DC	xã Phì Điền	H. Lục Ngạn	21° 23' 07"	106° 41' 04"					F-48-70-A-b
thôn Chay	DC	xã Phì Điền	H. Lục Ngạn	21° 23' 53"	106° 40' 51"					F-48-70-A-b
cầu Chét	KX	xã Phì Điền	H. Lục Ngạn	21° 23' 11"	106° 40' 27"					F-48-70-A-b
thôn Mai Tô	DC	xã Phì Điền	H. Lục Ngạn	21° 23' 27"	106° 40' 15"					F-48-70-A-b
thôn Phì	DC	xã Phì Điền	H. Lục Ngạn	21° 23' 48"	106° 39' 48"					F-48-70-A-b
thôn Cả	DC	xã Phong Minh	H. Lục Ngạn	21° 31' 12"	106° 43' 37"					F-48-58-C-d
suối Cạch	TV	xã Phong Minh	H. Lục Ngạn			21° 32' 18"	106° 42' 03"	21° 30' 36"	106° 43' 32"	F-48-58-C-d
suối Đấy	TV	xã Phong Minh	H. Lục Ngạn			21° 33' 06"	106° 43' 18"	21° 30' 36"	106° 43' 32"	F-48-58-C-d
núi Đền Thượng	SV	xã Phong Minh	H. Lục Ngạn	21° 33' 01"	106° 43' 53"					F-48-58-C-d
thôn Giàng	DC	xã Phong Minh	H. Lục Ngạn	21° 30' 37"	106° 42' 19"					F-48-58-C-d
suối Luồng	TV	xã Phong Minh	H. Lục Ngạn			21° 33' 32"	106° 47' 00"	21° 32' 40"	106° 47' 14"	F-48-58-D-c
suối Mỏ	TV	xã Phong Minh	H. Lục Ngạn			21° 33' 45"	106° 45' 13"	21° 31' 18"	106° 45' 18"	F-48-58-D-c
thôn Na Lang	DC	xã Phong Minh	H. Lục Ngạn	21° 31' 56"	106° 46' 01"					F-48-58-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Na Lang	TV	xã Phong Minh	H. Lục Ngạn			21° 33' 21"	106° 46' 26"	21° 31' 55"	106° 46' 15"	F-48-58-D-c
thôn Nũn	DC	xã Phong Minh	H. Lục Ngạn	21° 31' 26"	106° 44' 38"					F-48-58-C-d
thôn Suối Đấy	DC	xã Phong Minh	H. Lục Ngạn	21° 32' 45"	106° 42' 50"					F-48-58-C-d
quốc lộ 279	KX	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn			21° 32' 40"	106° 38' 13"	21° 28' 17"	106° 39' 08"	F-48-58-C-d, F-48-70-A-b
núi Ba Lòng	SV	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn	21° 31' 00"	106° 40' 37"					F-48-58-C-d
núi Ba Mô	SV	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn	21° 34' 29"	106° 41' 51"					F-48-58-C-d
núi Béo	SV	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn	21° 31' 50"	106° 40' 06"					F-48-58-C-d
thôn Cầu Nhạc	DC	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn	21° 29' 54"	106° 39' 37"					F-48-58-C-b
thôn Chả	DC	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn	21° 31' 25"	106° 38' 57"					F-48-58-C-d
suối Chạc	TV	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn			21° 33' 23"	106° 41' 17"	21° 31' 15"	106° 38' 53"	F-48-58-C-d
núi Cô Cheng	SV	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn	21° 33' 04"	106° 39' 16"					F-48-58-C-d
núi Khuôn Chung	SV	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn	21° 29' 54"	106° 38' 51"					F-48-70-A-b
núi Khuôn Lăng	SV	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn	21° 33' 04"	106° 42' 08"					F-48-58-C-d
núi Khuôn Võng	SV	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn	21° 29' 07"	106° 39' 23"					F-48-70-A-b
cầu Làng Chả	KX	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn	21° 31' 14"	106° 38' 59"					F-48-58-C-d
núi Lập Mô	SV	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn	21° 32' 15"	106° 40' 53"					F-48-58-C-d
thôn Rì	DC	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn	21° 31' 59"	106° 38' 30"					F-48-58-C-d
thôn Suối Chạc	DC	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn	21° 33' 40"	106° 40' 51"					F-48-58-C-d
cầu Trắng	KX	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn	21° 30' 43"	106° 39' 22"					F-48-58-C-d
thôn Vựa Ngoài	DC	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn	21° 30' 52"	106° 39' 33"					F-48-58-C-d
thôn Vựa Trong	DC	xã Phong Vân	H. Lục Ngạn	21° 31' 04"	106° 39' 46"					F-48-58-C-d
thôn Bãi Nơi	DC	xã Phú Nhuận	H. Lục Ngạn	21° 20' 18"	106° 41' 44"					F-48-70-A-d
thôn Gạo	DC	xã Phú Nhuận	H. Lục Ngạn	21° 19' 43"	106° 44' 01"					F-48-70-A-d
thôn Hồ	DC	xã Phú Nhuận	H. Lục Ngạn	21° 22' 23"	106° 44' 17"					F-48-70-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuôm A	DC	xã Phú Nhuận	H. Lục Ngạn	21° 19' 16"	106° 42' 05"					F-48-70-A-d
thôn Phú Thành	DC	xã Phú Nhuận	H. Lục Ngạn	21° 20' 31"	106° 44' 35"					F-48-70-A-d
thôn Quéo	DC	xã Phú Nhuận	H. Lục Ngạn	21° 20' 56"	106° 44' 15"					F-48-70-A-d
thôn Suối Than	DC	xã Phú Nhuận	H. Lục Ngạn	21° 21' 37"	106° 44' 12"					F-48-70-A-d
thôn Thác Dèo	DC	xã Phú Nhuận	H. Lục Ngạn	21° 19' 34"	106° 43' 12"					F-48-70-A-d
thôn Thích	DC	xã Phú Nhuận	H. Lục Ngạn	21° 20' 14"	106° 42' 52"					F-48-70-A-d
thôn Thuận A	DC	xã Phú Nhuận	H. Lục Ngạn	21° 20' 36"	106° 43' 51"					F-48-70-A-d
thôn Vách	DC	xã Phú Nhuận	H. Lục Ngạn	21° 19' 35"	106° 44' 43"					F-48-70-A-d
thôn Ván A	DC	xã Phú Nhuận	H. Lục Ngạn	21° 21' 15"	106° 43' 38"					F-48-70-A-d
thôn Vồng	DC	xã Phú Nhuận	H. Lục Ngạn	21° 22' 01"	106° 44' 35"					F-48-70-A-d
quốc lộ 31	KX	xã Phượng Sơn	H. Lục Ngạn			21° 19' 45"	106° 26' 32"	21° 21' 44"	106° 31' 55"	F-48-70-A-c
thôn Ải	DC	xã Phượng Sơn	H. Lục Ngạn	21° 19' 56"	106° 27' 30"					F-48-69-B-d
núi Ải	SV	xã Phượng Sơn	H. Lục Ngạn	21° 19' 38"	106° 27' 03"					F-48-69-B-d
thôn Bòng	DC	xã Phượng Sơn	H. Lục Ngạn	21° 19' 39"	106° 28' 14"					F-48-69-B-d
thôn Chể	DC	xã Phượng Sơn	H. Lục Ngạn	21° 19' 51"	106° 29' 37"					F-48-69-B-d
thôn Đầm	DC	xã Phượng Sơn	H. Lục Ngạn	21° 20' 29"	106° 31' 25"					F-48-70-A-c
thôn Hạ Mã	DC	xã Phượng Sơn	H. Lục Ngạn	21° 20' 06"	106° 28' 31"					F-48-69-B-d
thôn Kim 1	DC	xã Phượng Sơn	H. Lục Ngạn	21° 20' 51"	106° 29' 41"					F-48-69-B-d
sông Lục Nam	TV	xã Phượng Sơn	H. Lục Ngạn			21° 18' 29"	106° 27' 02"	21° 21' 12"	106° 31' 39"	F-48-70-A-c
thôn Mào Gà	DC	xã Phượng Sơn	H. Lục Ngạn	21° 20' 51"	106° 30' 09"					F-48-70-A-c
thôn Phú Xuyên	DC	xã Phượng Sơn	H. Lục Ngạn	21° 18' 51"	106° 27' 04"					F-48-69-B-d
thôn Phượng Khanh	DC	xã Phượng Sơn	H. Lục Ngạn	21° 20' 30"	106° 28' 53"					F-48-69-B-d
thôn Phượng Khê	DC	xã Phượng Sơn	H. Lục Ngạn	21° 20' 28"	106° 27' 22"					F-48-69-B-d
thôn Trại 1	DC	xã Phượng Sơn	H. Lục Ngạn	21° 21' 26"	106° 31' 20"					F-48-70-A-c
cầu Trại Một	KX	xã Phượng Sơn	H. Lục Ngạn	21° 21' 09"	106° 30' 38"					F-48-70-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Từ Xuyên	DC	xã Phượng Sơn	H. Lục Ngạn	21° 19' 42"	106° 27' 42"					F-48-69-B-d
quốc lộ 31	KX	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn			21° 21' 06"	106° 30' 15"	21° 22' 09"	106° 33' 18"	F-48-70-A-c
thôn Bắc Hai	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 22' 22"	106° 28' 45"					F-48-69-B-d
thôn Bắc Một	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 22' 42"	106° 29' 51"					F-48-69-B-b
thôn Bãi Chè	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 21' 39"	106° 28' 38"					F-48-69-B-d
cầu Cao	KX	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 21' 44"	106° 31' 55"					F-48-70-A-c
thôn Đoàn Kết	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 22' 52"	106° 31' 04"					F-48-70-A-a
thôn Đồng Giành Cũ	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 22' 25"	106° 30' 27"					F-48-70-A-c
thôn Đồng Giành Mới	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 23' 03"	106° 29' 53"					F-48-69-B-b
thôn Đồng Giao	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 23' 47"	106° 31' 50"					F-48-70-A-a
cầu Gia Nghé	KX	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 21' 09"	106° 30' 19"					F-48-70-A-c
thôn Hai Cũ	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 22' 14"	106° 31' 48"					F-48-70-A-c
thôn Hai Mới	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 22' 37"	106° 31' 07"					F-48-70-A-a
thôn Lai Hòa	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 22' 25"	106° 31' 25"					F-48-70-A-c
thôn Nhất Thành	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 22' 08"	106° 29' 03"					F-48-69-B-d
thôn Phi Lễ	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 22' 05"	106° 28' 32"					F-48-69-B-d
thôn Phúc Thành	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 22' 59"	106° 31' 41"					F-48-70-A-a
thôn Số Ba	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 23' 36"	106° 31' 14"					F-48-70-A-a
thôn Số Tư	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 23' 02"	106° 32' 01"					F-48-70-A-a
thôn Thum Cũ	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 22' 02"	106° 30' 22"					F-48-70-A-c
thôn Thum Mới	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 21' 33"	106° 29' 50"					F-48-69-B-d
thôn Thượng Vũ	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 23' 10"	106° 31' 27"					F-48-70-A-a
thôn Trại Ba	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 21' 11"	106° 32' 08"					F-48-70-A-c
thôn Trại Cháy	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 21' 13"	106° 29' 24"					F-48-69-B-d
thôn Tư Hai	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 22' 36"	106° 32' 14"					F-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tư Một	DC	xã Quý Sơn	H. Lục Ngạn	21° 22' 21"	106° 32' 51"					F-48-70-A-c
thôn Cây Lâm	DC	xã Sa Lý	H. Lục Ngạn	21° 32' 10"	106° 50' 47"					F-48-58-D-c
suối Cóc	TV	xã Sa Lý	H. Lục Ngạn			21° 31' 52"	106° 48' 23"	21° 31' 05"	106° 47' 04"	F-48-58-D-c
thôn Đảng	DC	xã Sa Lý	H. Lục Ngạn	21° 32' 10"	106° 48' 12"					F-48-58-D-c
suối Đình Đèn	TV	xã Sa Lý	H. Lục Ngạn			21° 33' 40"	106° 50' 12"	21° 31' 52"	106° 48' 23"	F-48-58-D-c
thôn Đồn	DC	xã Sa Lý	H. Lục Ngạn	21° 32' 42"	106° 50' 12"					F-48-58-D-c
suối Đục	TV	xã Sa Lý	H. Lục Ngạn			21° 32' 27"	106° 51' 01"	21° 31' 41"	106° 48' 05"	F-48-58-D-c
suối Mành	TV	xã Sa Lý	H. Lục Ngạn			21° 32' 18"	106° 51' 39"	21° 32' 27"	106° 51' 01"	F-48-58-D-c
thôn Mòng	DC	xã Sa Lý	H. Lục Ngạn	21° 32' 04"	106° 49' 23"					F-48-58-D-c
thôn Răng Trong	DC	xã Sa Lý	H. Lục Ngạn	21° 31' 26"	106° 49' 38"					F-48-58-D-c
thôn Trạm	DC	xã Sa Lý	H. Lục Ngạn	21° 31' 40"	106° 47' 32"					F-48-58-D-c
thôn Xé	DC	xã Sa Lý	H. Lục Ngạn	21° 31' 59"	106° 49' 06"					F-48-58-D-c
hồ Cấm Sơn	TV	xã Sơn Hải	H. Lục Ngạn	21° 23' 20"	106° 34' 05"					F-48-58-C-c
thôn Cầu Sắt	DC	xã Sơn Hải	H. Lục Ngạn	21° 29' 32"	106° 33' 50"					F-48-70-A-a
thôn Cổ Vài	DC	xã Sơn Hải	H. Lục Ngạn	21° 30' 45"	106° 34' 32"					F-48-58-C-c
thôn Đấp	DC	xã Sơn Hải	H. Lục Ngạn	21° 30' 07"	106° 32' 44"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Mậm	DC	xã Sơn Hải	H. Lục Ngạn	21° 32' 18"	106° 32' 18"					F-48-58-C-c
xóm Khênh Ráy	DC	xã Sơn Hải	H. Lục Ngạn	21° 30' 15"	106° 32' 52"					F-48-58-C-c
đèo Nhớn	SV	xã Sơn Hải	H. Lục Ngạn	21° 30' 08"	106° 34' 10"					F-48-58-C-c
rừng Tâm	KX	xã Sơn Hải	H. Lục Ngạn	21° 30' 26"	106° 31' 23"					F-48-70-A-a
thôn Ao Nhãn	DC	xã Tân Hoa	H. Lục Ngạn	21° 23' 37"	106° 43' 27"					F-48-70-A-b
núi Ba Mặt	SV	xã Tân Hoa	H. Lục Ngạn	21° 21' 45"	106° 43' 01"					F-48-70-A-d
thôn Khuân Lương	DC	xã Tân Hoa	H. Lục Ngạn	21° 23' 16"	106° 43' 22"					F-48-70-A-b
xóm Khuân Rạch	DC	xã Tân Hoa	H. Lục Ngạn	21° 25' 33"	106° 42' 05"					F-48-70-A-b
xứ đồng Nà Bố	DC	xã Tân Hoa	H. Lục Ngạn	21° 23' 24"	106° 43' 26"					F-48-70-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Sài	KX	xã Tân Hoa	H. Lục Ngạn	21° 23' 23"	106° 42' 07"					F-48-70-A-b
thôn Tam Bảo	DC	xã Tân Hoa	H. Lục Ngạn	21° 23' 24"	106° 41' 50"					F-48-70-A-b
cầu Tân Hoa	KX	xã Tân Hoa	H. Lục Ngạn	21° 24' 36"	106° 42' 20"					F-48-70-A-b
thôn Thanh Văn 1	DC	xã Tân Hoa	H. Lục Ngạn	21° 23' 47"	106° 42' 51"					F-48-70-A-b
cầu Thanh Văn 2	KX	xã Tân Hoa	H. Lục Ngạn	21° 24' 02"	106° 42' 42"					F-48-70-A-b
thôn Vặt Ngoài	DC	xã Tân Hoa	H. Lục Ngạn	21° 23' 56"	106° 42' 16"					F-48-70-A-b
thôn Vật Phú	DC	xã Tân Hoa	H. Lục Ngạn	21° 24' 59"	106° 42' 03"					F-48-70-A-b
thôn Xóm Cũ	DC	xã Tân Hoa	H. Lục Ngạn	21° 23' 14"	106° 43' 00"					F-48-70-A-b
thôn Xóm Đá	DC	xã Tân Hoa	H. Lục Ngạn	21° 22' 50"	106° 43' 42"					F-48-70-A-b
núi Âm Vãi	SV	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn	21° 19' 55"	106° 36' 34"					F-48-70-A-c
thôn Cà Phê	DC	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn	21° 20' 25"	106° 41' 22"					F-48-70-A-d
thôn Đồng Con 1	DC	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn	21° 21' 00"	106° 38' 00"					F-48-70-A-d
thôn Đồng Láy	DC	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn	21° 20' 16"	106° 39' 31"					F-48-70-A-d
thôn Đồng Tâm	DC	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn	21° 20' 02"	106° 39' 43"					F-48-70-A-d

(Xem tiếp Công báo số 273 + 274)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng